

Số: **210** /BC-UBND

Hà Nội, ngày **24** tháng 11 năm 2016

BÁO CÁO
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2017 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố

Căn cứ Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2017, UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố về Kế hoạch đầu tư công năm 2017 của cấp Thành phố như sau:

Phần I

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2016**

I. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công từ ngân sách Thành phố 10 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2016

1. Kế hoạch vốn đầu tư năm 2016 đã giao

Kế hoạch vốn đầu tư năm 2016 của Thành phố Hà Nội giao đầu năm là 31.773,82 tỷ đồng, giao bổ sung từ nguồn tăng thu năm 2015 là 1.441,51 tỷ đồng, tổng cộng là 33.215,32 tỷ đồng (nếu không bao gồm vốn cho các quỹ, hoàn ứng và chi trả nợ thì kế hoạch vốn đầu tư năm 2016 là 22.059,76 tỷ đồng), trong đó vốn ODA là 1.604,35 tỷ đồng (chưa bao gồm 40,237 tỷ đồng vốn vay lại của Ngân hàng Thế giới WB), vốn trong nước là 31.610,97 tỷ đồng, cụ thể như sau:

(1) Vốn cho các quỹ, hoàn ứng, chi trả nợ: 11.155,56 tỷ đồng, bao gồm 10.791,32 tỷ đồng giao đầu năm và giao bổ sung 364,24 tỷ đồng từ nguồn tăng thu năm 2015 (hoàn trả ngân sách quận Long Biên đã ứng).

(2) Vốn phân bổ dự án đầu tư XD CB tập trung của Thành phố: 9.570,15 tỷ đồng, trong đó vốn ODA là 1.518 tỷ đồng, vốn trong nước là 8.052,15 tỷ đồng.

* 26 công trình trọng điểm: 3.641 tỷ đồng, trong đó vốn ODA là 1.461 tỷ đồng, vốn trong nước là 2.180 tỷ đồng.

(3) Chương trình đầu tư: 1.272,85 tỷ đồng, trong đó vốn ODA là 86,35 tỷ đồng, vốn trong nước là 1.186,5 tỷ đồng.

(4) Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 148,183 tỷ đồng.

(5) Vốn Trái phiếu Chính phủ: 466,184 tỷ đồng.

(6) Vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô: 195 tỷ đồng.

(7) Ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và hỗ trợ đặc thù cho ngân sách cấp huyện: 2.397,264 tỷ đồng.

(8) Vốn phân cấp cho ngân sách cấp huyện: 8.010,13 tỷ đồng.

* Kế hoạch năm 2015 kéo dài thời hạn thực hiện và thanh toán sang năm 2016 với tổng kinh phí 3.015 tỷ đồng, trong đó: 84 tỷ đồng vốn quyết toán công trình, 2.931 tỷ đồng bố trí cho 147 dự án.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Tổ chức chỉ đạo thực hiện:

- Năm 2016, cùng với việc triển khai Kế hoạch kinh tế - xã hội, Thành phố và các quận, huyện, sở, ngành đã thực hiện giao Kế hoạch đầu tư công sớm ngay từ đầu tháng 12/2015, việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công đã được thực hiện theo đúng quy định, chỉ đạo của HĐND và UBND Thành phố.

- Việc phân bổ kế hoạch và điều hành ngân sách đầu tư công có nhiều tiến bộ. Thành phố đã tập trung nguồn lực giải quyết các dự án cấp bách, bức xúc, các công trình trọng điểm góp phần hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu đã được UBND Thành phố giao.

- Trong bối cảnh nguồn lực rất khó khăn trong khi nhu cầu đầu tư rất lớn, Thành phố luôn chủ động, điều hành linh hoạt, sáng tạo: Tháo gỡ khó khăn trong thực hiện chính sách GPMB; áp dụng cơ chế giải ngân vốn GPMB linh hoạt theo phương án được duyệt; kịp thời đưa ra các giải pháp điều chuyển nguồn ngân sách linh hoạt, đảm bảo đủ vốn GPMB cho các dự án XDCB... tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các dự án triển khai đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng.

- UBND Thành phố đã thành lập Tổ công tác chỉ đạo đẩy nhanh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016, định kỳ hàng tháng họp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2016 và kế hoạch năm 2015 kéo dài thời hạn thực hiện và thanh toán sang năm 2016, thực hiện kiểm tra tiến độ hiện trường để có biện pháp kịp thời giải quyết ngay các khó khăn vướng mắc phát sinh.

- Tổ chức báo cáo theo kế hoạch giám sát của HĐND Thành phố về tình hình giao kế hoạch, giám sát chuyên đề về công tác đầu tư XDCB.

- Công tác phối hợp thực hiện các công trình Trung ương trên địa bàn đã có sự chỉ đạo quyết liệt, cơ bản đã tháo gỡ các khó khăn vướng mắc chính để tạo điều kiện bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công.

2.2. Kết quả thực hiện và giải ngân đến 31/10/2016

Tính đến ngày 31/10/2016, giá trị giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2016 của toàn Thành phố đạt 15.436 tỷ đồng/KH 22.059,76 tỷ đồng (không bao gồm 11.155,562 tỷ đồng vốn cho các quỹ, hoàn ứng và chi trả nợ), bằng 70% KH đã giao và bằng 73,6% KH đầu năm, cụ thể:

(1) Vốn phân bổ dự án đầu tư XDCHB tập trung của Thành phố: 5.987 tỷ đồng/KH 9.570,15 tỷ đồng, bằng 62,6% kế hoạch, trong đó vốn ODA là 1.842 tỷ đồng/KH 1.518 tỷ đồng, bằng 121,3% kế hoạch; vốn trong nước là 4.145 tỷ đồng/KH 8.052,15 tỷ đồng, bằng 51,5% kế hoạch.

(3) Chương trình đầu tư: 904 tỷ đồng/KH 1.272,85 tỷ đồng, bằng 71% kế hoạch, trong đó vốn ODA chưa thực hiện giải ngân.

(4) Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 83 tỷ đồng/KH 148,183 tỷ đồng, bằng 55,8% kế hoạch.

(5) Vốn Trái phiếu Chính phủ: 178 tỷ đồng/KH 466,184 tỷ đồng, bằng 38,2% kế hoạch.

(6) Vốn Xổ số kiến thiết thủ đô: 160 tỷ đồng/KH 195 tỷ đồng, bằng 81,8% kế hoạch.

(7) Ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và hỗ trợ đặc thù cho ngân sách cấp huyện: 1.611 tỷ đồng/KH 2.397,264 tỷ đồng, bằng 67,2% kế hoạch.

(8) Vốn phân cấp cho ngân sách cấp huyện: 6.513 tỷ đồng/KH 8.010,13 tỷ đồng, bằng 81,3% kế hoạch.

* Kế hoạch năm 2015 kéo dài thời hạn thực hiện và thanh toán sang năm 2016: 1.327 tỷ đồng/KH 2.931 tỷ đồng, bằng 45,3% kế hoạch.

2.3. Kết quả tiến độ thực hiện các công trình

a) Các công trình trọng điểm:

Năm 2016 Thành phố đã tập trung chỉ đạo để hoàn thành 8 dự án, công trình trọng điểm: Đường vành đai 1 (đoạn Ô Đông Mác - Nguyễn Khoái); Xây dựng nút giao thông đường đô thị Bắc Thăng Long - Vân Trì với tuyến đường sắt Bắc Hồng - Văn Điển; Đường 5 kéo dài (vốn 2015 kéo dài) gắn kết khu vực phía Bắc của Thủ đô và các tỉnh phía Bắc, với cạnh tam giác kinh tế Hải Phòng - Quảng Ninh; Bệnh viện đa khoa Đức Giang tăng 50 giường bệnh; Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - dự án 2 cải thiện môi trường lưu vực sông Tô Lịch, góp phần chống ngập úng với vũ lượng 310mm/2 ngày; Phát triển giao thông đô thị Hà Nội góp phần hoàn thiện tuyến đường vành đai 2, phát huy hiệu quả cầu Nhật Tân và tuyến đường Nhật Tân - Nội Bài; Xây dựng Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ nhằm phục vụ yêu cầu nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trên địa bàn Thành phố, là nơi tiếp nhận các kết quả đề tài nghiên cứu thành công của Thành phố để sản xuất thử, hoàn thiện công nghệ, phục vụ thị trường khoa học công nghệ; Đầu tư trang thiết bị PCCC, cứu hộ, cứu nạn và cơ sở vật chất cho 10 phòng Cảnh sát PC&CC khu vực hiện có khiến năng lực tăng thêm 10 xe téc nước 500 lít, 9 xe mini chữa cháy 1.500 lít, 8 xe chữa cháy bột khí nén 2.500 lít, 2 xe thang 56 mét, 2 xe thông tin, ánh sáng, 10 xe chỉ huy chữa cháy, 15 xe bán tải chở phương tiện, 10 xe tải nhẹ chở phương tiện.

b) Các dự án ngoài trọng điểm: Năm 2016 có 109 công trình/dự án đã hoàn thành, trong đó:

- Khối Hạ tầng đô thị có 38 dự án hoàn thành tăng thêm cho Thành phố: 43,7 km đường giao thông, 02 điểm chống úng ngập cục bộ, cải tạo môi trường 02 Hồ; 37,5 km chiếu sáng tuyến đường tỉnh lộ và 10 cầu vượt sông; 02 dự án xử lý môi trường.

- Cơ bản hoàn thành 4 dự án có nguồn vốn ODA: Xây dựng và cải tạo 3 trạm bơm thoát nước Đồng Bông 1, 2 và Cỏ Nhuế khu vực phía Tây Hà Nội; Xây dựng hệ thống Xử lý chất thải công nghiệp để phát điện; Trường cao đẳng nghề Việt nam - Hàn Quốc và Hợp phần Bệnh viện Đa khoa Sơn Tây.

- Khối Văn hóa xã hội có 30 dự án hoàn thành, trong đó hoàn thành đưa vào sử dụng 14 trường học (năng lực tăng thêm 125 phòng học), 5 bệnh viện, 2 trung tâm y tế, 4 phòng khám, 9 trạm y tế, 1 di tích và 1 cung thiếu nhi.

- Khối Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hoàn thành 29 công trình/dự án; cơ sở hạ tầng phục vụ SXNN, năng lực hệ thống công trình thủy lợi, đê điều được tăng lên, cụ thể:

+ Nông nghiệp, nông thôn: Xây dựng hạ tầng vùng sản xuất rau tập trung 116 ha, hạ tầng vùng thủy sản tập trung 232 ha, hạ tầng khu giết mổ tập trung 4,3 ha; ít nhất có thêm 56 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Đê điều: Hoàn thành 5,1 km kè chống sạt lở bờ sông; cải tạo, nâng cấp và kiên cố hoá mặt đê, cơ đê được 15,7 km đảm bảo an toàn đê điều.

+ Thủy lợi: Hoàn thành 11 trạm bơm, 06 tuyến/hệ thống kênh; nâng diện tích đảm bảo tưới thêm 12.735 ha, đảm bảo tiêu chủ động 11.968 ha; cải tạo, nâng cấp kiên cố hóa 69,8km kênh tưới, tiêu các loại.

- Lĩnh vực KH-CN-CNTT: Hoàn thành hệ thống hợp trực tuyến phục vụ công tác quản lý, điều hành của Thành phố - giai đoạn 3 và hệ thống Hội nghị truyền hình Công an Thành phố, giúp giảm chi phí họp, hỗ trợ điều hành của lãnh đạo Thành phố và tác nghiệp của Công an Thành phố.

- Hoàn thành đưa vào sử dụng 750m đường ngoài hàng rào Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn 1.

- Hoàn thành cải tạo một số dự án thuộc quản lý của Văn phòng Thành ủy, Văn phòng UBND Thành phố.

- Hoàn thành 3 công trình quốc phòng.

c) Các chương trình đầu tư:

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng 6 dự án cấp nước liên xã của 6 huyện: Ba Vì (2 xã), Phúc Thọ (2 xã), Mỹ Đức (1 xã), Thanh Oai (2 xã), Thường Tín (5 xã) và Chương Mỹ (2 xã) thuộc Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng Sông Hồng, vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) tại thành phố Hà Nội.

- Chương trình mục tiêu Giảm thiểu ùn tắc giao thông: Hoàn thành 3 dự án, tăng thêm 2 cầu và 1.011m dài đường giao thông.

d) *Dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện được ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu:* Tổng số kế hoạch 2016, Thành phố hỗ trợ quận, huyện và thị xã là 2.397 tỷ đồng, phân bổ cho 157 dự án, đến hết năm 2016 hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng: 35 dự án đường giao thông nông thôn với 92km đường giao thông được xây mới, cải tạo, nâng cấp đưa vào lưu thông, 33 trường học với 359 phòng học và các phòng chức năng khác được đầu tư xây dựng nhằm tiến tới đạt chuẩn quốc gia, 5 trụ sở xã, 2 công trình văn hóa, 6 dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi và vệ sinh môi trường nông thôn hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng phát huy hiệu quả vốn đầu tư, góp phần nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia theo chỉ đạo của Thành phố, nâng tỷ lệ tiêu chí cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

3. Tồn tại hạn chế nguyên nhân:

a) Tồn tại, hạn chế:

- Công tác đền bù GPMB của một số dự án rất khó khăn làm kéo dài thời gian chuẩn bị để khởi công công trình, một số công trình đang thi công bị dừng lại để tiếp tục giải quyết vấn đề GPMB (ví dụ: dự án Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì, dự án Đường vành đai 2 đoạn Ngã Tư Sở - Ngã Tư Vọng,...)

- Một số dự án phải điều chỉnh dự án, tổng mức đầu tư dẫn đến phải phê duyệt lại kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Một số dự án chuyển tiếp khi mở thầu gói thầu đã được phê duyệt kế hoạch đấu thầu theo quy định cũ phải phê duyệt lại kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định mới.

- Các dự án chuyển tiếp thuộc 2 chương trình mục tiêu Quốc gia (Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới) chậm có quyết định và hướng dẫn triển khai từ cơ quan Trung ương để có cơ sở tiếp tục thực hiện.

- Năng lực tổ chức quản lý dự án của một số chủ đầu tư và ban QLDA còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là quá trình xử lý hợp đồng quốc tế, đấu thầu quốc tế còn nhiều bất cập so với quy định trong nước nên quá trình xử lý mất nhiều thời gian làm ảnh hưởng tới tiến độ dự án.

- Kế hoạch vốn ODA giao đầu năm theo thông báo của Trung ương chưa đáp ứng nhu cầu vốn thực hiện thực tế, dẫn đến vốn đối ứng trong nước không được tiếp tục triển khai do phụ thuộc vào tiến độ thực hiện vốn ODA.

- Một số dự án triển khai chậm, khối lượng thực hiện và giải ngân thấp. Đặc biệt các dự án trái phiếu Chính phủ, vốn trung ương hỗ trợ có mục tiêu.

b) Nguyên nhân:

- Các quy định liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng, các quy định cụ thể và việc xử lý chuyển tiếp do thay đổi của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Nghị định quy định về hợp đồng xây dựng số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015, Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách

Nhà nước và các Nghị định, văn bản hướng dẫn mới được ban hành nên các đơn vị khó khăn trong triển khai thực tế, một số dự án phải hoàn thiện thủ tục điều chỉnh dự án, tổng mức đầu tư, điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dẫn đến một số chủ đầu tư, BQLDA, nhà thầu còn lúng túng trong việc áp dụng trình tự thủ tục đầu tư để thực hiện giải ngân, điều chỉnh hợp đồng. Một số nội dung chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể nên chưa có cơ sở để triển khai (ví dụ: việc xác định, thanh toán chi phí lập, thẩm định, thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư,...), một số nội dung được hướng dẫn khác nhau tại các văn bản khác nhau dẫn đến khó áp dụng trong thực tế (ví dụ việc trình phê duyệt dự án đối với dự án có cấu phần xây dựng: Luật Xây dựng và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 quy định chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án gửi hồ sơ đến người quyết định đầu tư; Luật Đầu tư công và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án gửi cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư,...).

- Kế hoạch vốn ODA giao đầu năm theo thông báo của Trung ương hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu vốn thực hiện thực tế (hiện vốn ODA đã giải ngân cơ bản hết kế hoạch được giao, nhu cầu bổ sung rất lớn nếu không kịp bố trí sẽ vi phạm thỏa thuận với các nhà thầu và có khả năng bị phạt vi phạm hợp đồng).

- Cuối quý III/2016 Thủ tướng Chính phủ mới phê duyệt 2 chương trình mục tiêu Quốc gia tại các quyết định số: 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

- Một số quận, huyện chưa quyết liệt thực hiện thực hiện công tác GPMB dẫn đến các dự án vướng mắc công tác GPMB khó có cơ sở triển khai các hạng mục tiếp theo.

- Một số chủ đầu tư chưa tích cực, chậm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thanh toán vốn dẫn đến công tác giải ngân của một số dự án chưa được cao.

- Bên cạnh việc triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2016, các chủ đầu tư còn đang tập trung vào công tác thực hiện và giải ngân số dư kế hoạch vốn năm 2015 được phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán đến hết 31/12/2016.

4. Một số nội dung cần quan tâm chỉ đạo thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2016 trong tháng cuối năm:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch đầu tư công sau khi điều chỉnh, đảm bảo giải ngân hết kế hoạch đầu tư công năm 2016.

- Đôn đốc tiến độ để đảm bảo hoàn thành các dự án theo tiến độ, nhất là các công trình trọng điểm. Tăng cường công tác quản lý đầu tư, không để phát sinh nợ đọng XD CB mới.

Phần II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2017

I. Nhu cầu, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công của cấp Thành phố trong giai đoạn 2016-2020 và năm 2017

1. Nhu cầu đầu tư năm 2017

Nhu cầu vốn đầu tư công năm 2017 gắn liền với tổng nhu cầu vốn đầu tư công trong 5 năm 2016-2020 của Thành phố, theo đó nhu cầu vốn đầu tư công trong 5 năm 2016-2020 là 249.315 tỷ đồng, trong đó nhu cầu đầu tư cấp thiết là 151.783 tỷ đồng (*gồm vốn ngân sách 87.821 tỷ đồng và vốn nước ngoài (ODA) là 63.962 tỷ đồng*).

Ngoài việc bố trí vốn để thu hồi các khoản ứng trước chưa bố trí nguồn để thu hồi, vốn thanh quyết toán công trình hoàn thành thì nhu cầu vốn đầu tư để hoàn thành 178 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 là 88.623 tỷ đồng (*bao gồm vốn ngân sách trong nước: 29.358 tỷ đồng và vốn nước ngoài (ODA): 59.265 tỷ đồng*), năm 2016 đã bố trí 8.440 tỷ đồng cho các dự án trên, nhu cầu còn lại trong giai đoạn 2017-2020 là 80.183 tỷ đồng (*nhu cầu vốn trong nước là 22.522 tỷ đồng*), riêng năm 2017 nhu cầu vốn trong nước khoảng 6.800 tỷ đồng; nhu cầu vốn đầu tư để hoàn thành 102 dự án đã khởi công năm 2016 trong giai đoạn 2017-2020 cần 13.399 tỷ đồng (*nhu cầu vốn ngân sách trong nước là 5.500 tỷ đồng*), riêng năm 2017 nhu cầu vốn ngân sách là khoảng 2.800 tỷ đồng.

Nhu cầu bố trí kinh phí hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện và hỗ trợ đặc thù cho một số huyện giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND là 8.006 tỷ đồng, căn cứ theo định mức, khả năng nguồn vốn, năm 2017 hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã là 1.476,5 tỷ đồng (*5 năm là 7.400 tỷ đồng*) và nhu cầu vốn bố trí cho các dự án xây dựng hạ tầng tại địa bàn các xã bị thu hồi đất để xây dựng bãi rác thải tập trung, nghĩa trang tập trung, GPMB để xây dựng công trình trọng điểm của Trung ương và Thành phố trên địa bàn, nhu cầu vốn năm 2017 để hoàn thành dứt điểm các dự án đang xây dựng dở dang là 300 tỷ đồng.

Nhu cầu đầu tư cho Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới 1.216,8 tỷ đồng và Chương trình mục tiêu Thành phố về Giảm thiểu ùn tắc giao thông là 192,95 tỷ đồng cho 2 dự án chuyển tiếp.

2. Nguồn vốn đầu tư năm 2017

Căn cứ Văn bản số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến phân bổ KH đầu tư trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2017, khả năng cân đối ngân sách Thành phố, nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2017 của Thành phố là **24.897,37 tỷ đồng**, bao gồm:

- Vốn đầu tư phát triển cân đối ngân sách địa phương là 22.059,25 tỷ đồng, gồm:

- + Vốn đầu tư XDCB tập trung trong cân đối là 9.468,75 tỷ đồng;
- + Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 12.590,5 tỷ đồng.
- Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương là 2.648,122 tỷ đồng,

gồm:

- + Vốn trong nước đầu tư theo các chương trình mục tiêu là 84,05 tỷ đồng;
- + Vốn nước ngoài (ODA) là 2.564,072 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 190 tỷ đồng.

II. Mục tiêu, định hướng, nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và năm 2017

1. Mục tiêu, định hướng

Nguồn vốn đầu tư công 5 năm 2016-2020 và năm 2017 của Thành phố phải trực tiếp góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, khâu đột phá về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh đã được Trung ương chỉ đạo, đã được xác định tại Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội Thủ đô đến 2020, tầm nhìn 2030; các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI nhiệm kỳ 2015-2020; 8 Chương trình công tác của Thành ủy Hà Nội; các Nghị quyết của HĐND Thành phố quyết nghị Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của Thành phố và các vấn đề liên quan đến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; các Chương trình mục tiêu quốc gia và của Thành phố đã được phê duyệt; các dự án, công trình thuộc danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 đã được Thành phố xác định; các dự án đầu tư theo thông báo chỉ đạo của Thành ủy, chỉ đạo của UBND Thành phố.

2. Nguyên tắc và thứ tự ưu tiên bố trí vốn::

2.1. Nguyên tắc bố trí vốn

- Tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị định, hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương về đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và năm 2017, Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017, văn bản số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến phân bổ KH đầu tư trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2017, Thông báo số 26/TB-HĐND ngày 29/9/2016 của HĐND Thành phố về nguyên tắc, định hướng phân bổ dự toán ngân sách năm 2017 của thành phố Hà Nội, đảm bảo phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tế của Thành phố.

- Nhằm thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt.

- Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Tuân thủ thứ tự ưu tiên, phù hợp với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 đã trình cấp có thẩm quyền và khả năng cân đối các

nguồn vốn đầu tư năm 2017; phù hợp với khả năng thực hiện và tiến độ giải ngân của từng dự án trong năm 2017.

- Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, dự án quan trọng quốc gia trên địa bàn, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và của các quận, huyện, thị xã.

- Cho dự án nhóm C thực hiện từ 1-2 năm/quy định 3 năm, dự án nhóm B thực hiện 2-3 năm/quy định 5-8 năm, dự án nhóm A phân đầu thực hiện trong 5 năm.

2.2. Thứ tự ưu tiên bố trí vốn

(1) Hoàn trả các khoản vốn ngân sách nhà nước ứng trước, các khoản vốn vay ngân sách địa phương đến hạn năm 2017 phải thanh toán.

(2) Đối ứng cho dự án sử dụng vốn nước ngoài (ODA) và bố trí vốn thanh toán cho công tác chuẩn bị đầu tư các dự án XDCB tập trung của Thành phố và các dự án dự kiến thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP).

(3) Cho các dự án, công trình thuộc danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 đã được Thành phố xác định cần bố trí kế hoạch vốn năm 2017.

(4) Cho các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;

(5) Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 được tập trung bố trí vốn để hoàn thành dự án trong năm 2017 (trừ dự án quy mô lớn sử dụng vốn ODA).

(6) Dự án khởi công năm 2016 tập trung bố trí vốn để cơ bản hoàn thành dự án trong năm 2017 (dự án nhóm C), năm 2018 (dự án nhóm B).

III. Phương án phân bổ kế hoạch năm 2017

A. Phương án phân bổ: Tổng vốn đầu tư phát triển của Thành phố là 24.897,37 tỷ đồng (bao gồm vốn ODA theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 là 2.564,072 tỷ đồng, vốn Trung ương hỗ trợ 84,05 tỷ đồng, vốn ngân sách Thành phố là 22.249,25 tỷ đồng) được phân bổ thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, yêu cầu cụ thể như sau:

1. Cân đối bố trí cho nhiệm vụ đầu tư phát triển không theo quy định của Luật Đầu tư công là 7.621,12 tỷ đồng (chiếm 30,6% tổng vốn đầu tư phát triển năm 2017 của Thành phố), bao gồm:

(1) Bổ sung vốn cho Quỹ Phát triển đất là 600 tỷ đồng.

(2) Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất là 1.000 tỷ đồng.

(3) Bố trí nguồn vốn qua Quỹ Phát triển đất để ứng cho công tác GPMB các dự án XDCB tập trung của Thành phố ngay từ khi được chấp thuận CTĐT và nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn/ và bố trí nguồn vốn tái định cư bằng tiền theo quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 (nếu phát sinh ngoài chi phí tổng mức đầu tư của dự án) là 1.000 tỷ đồng.

(4) Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Đầu tư Phát triển là 390 tỷ đồng.

- (5) Ghi thu ghi chi vốn đầu tư cho các dự án BT là 3.300 tỷ đồng.
- (6) Bổ sung vốn cho Quỹ giải quyết việc làm là 200 tỷ đồng.
- (7) Bổ sung vốn cho Quỹ hỗ trợ nông dân là 20 tỷ đồng.
- (8) Chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp là 50 tỷ đồng.
- (9) Cấp lại tiền thu đấu giá quyền sử dụng đất cho các xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới (phần đấu giá năm 2016, cấp lại vào năm 2017) là 200 tỷ đồng.
- (10) Cấp lại tiền bán nhà cho Cục Tài chính Bộ Quốc phòng là 15 tỷ đồng.
- (11) Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo QĐ 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ là 20 tỷ đồng (vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu).
- (12) Bổ trí chi trả lãi theo quy định tại Khoản 3 Điều 38 Luật NSNN năm 2015 là 726,12 tỷ đồng.
- (13) Hỗ trợ địa phương bạn là 100 tỷ đồng.

2. Bố trí vốn thực hiện các chương trình, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công là 17.276,253 tỷ đồng (chiếm 69,4% tổng vốn đầu tư phát triển năm 2017 của Thành phố), trong đó:

2.1. Bố trí nguồn vốn thu hồi ứng trước, vốn thanh quyết toán và dự phòng là 1.875 tỷ đồng (chiếm 10,9% tổng vốn đầu tư công năm 2017 của Thành phố), cụ thể:

- Bố trí nguồn vốn thu hồi khoản ứng trước ngân sách Trung ương đến hết Kế hoạch năm 2016 ngân sách Trung ương chưa bố trí nguồn để thu hồi là 25 tỷ đồng (vốn ngân sách Trung ương bố trí).

- Vốn thanh quyết toán công trình hoàn thành là 150 tỷ đồng.

- Dự phòng 1.700 tỷ đồng.

2.2. Vốn phân bổ hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện, thực hiện các chương trình mục tiêu, dự án đầu tư XDCB là 15.401,25 tỷ đồng (chiếm 89,1% tổng vốn đầu tư công năm 2017 của Thành phố), bao gồm:

a) Về hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã: Kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí là 1.966,5 tỷ đồng (chiếm 11,4% tổng vốn đầu tư công năm 2017 của Thành phố), cụ thể:

- Về hỗ trợ có mục tiêu cho 18 huyện và thị xã theo Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND của HĐND Thành phố: Kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 1.476,5 tỷ đồng cho ngân sách các huyện và thị xã thực hiện các dự án có ý nghĩa phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Về hỗ trợ đặc thù cho 5 huyện và thị xã: Kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 300 tỷ đồng cho 42 dự án chuyển tiếp từ năm 2015 và năm 2016 để hoàn thành dứt điểm trong năm 2017 về xây dựng hạ tầng tại địa bàn các xã bị thu hồi đất để xây dựng bãi rác thải tập trung, nghĩa trang tập

trung, GPMB để xây dựng công trình trọng điểm của Trung ương và Thành phố trên địa bàn.

- Về hỗ trợ một số huyện xây dựng trường học, trạm y tế: Kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 190 tỷ đồng từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô để hỗ trợ một số huyện xây dựng 29 dự án chuyển tiếp và 2 dự án mới về trường học, trạm y tế (dự kiến sẽ hoàn thành 21 dự án trong năm 2017).

b) Về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về Xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu Thành phố về Giảm thiểu ùn tắc giao thông: Kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 1.409,75 tỷ đồng (chiếm 8,2% tổng vốn đầu tư công năm 2017 của Thành phố), cụ thể:

- Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới (từ năm 2017 lồng ghép Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô vào CTMT Xây dựng nông thôn mới): Ngân sách Thành phố cân đối bố trí 1.216,8 tỷ đồng, bao gồm 110 tỷ đồng hỗ trợ 22 xã và 60 tỷ đồng hỗ trợ 2 huyện (Gia Lâm và Phúc Thọ) đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới; 696,8 tỷ đồng hỗ trợ kiên cố hóa thủy lợi nội đồng, giao thông thôn xóm cho 18 huyện và thị xã; 350 tỷ đồng bố trí cho 49 dự án chuyển tiếp thuộc Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô.

- Chương trình mục tiêu Thành phố Giảm thiểu ùn tắc giao thông: Cân đối bố trí 192,95 tỷ đồng cho 2 dự án khởi công từ năm 2016 chuyển tiếp thực hiện sang năm 2017.

c) Về thực hiện các dự án XD CB tập trung của Thành phố: Kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 12.025,003 tỷ đồng (chiếm 69,6% tổng vốn đầu tư công năm 2017 của Thành phố), trong đó vốn trong nước là 9.460,931 tỷ đồng, vốn ngoài nước là 2.564,072 tỷ đồng, riêng vốn ngân sách Thành phố bố trí 6.051,24 tỷ đồng (chiếm 50,3% tổng vốn đầu tư công năm 2017 cho các dự án XD CB tập trung của Thành phố) thực hiện 15 công trình trọng điểm cụ thể:

- Kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 150 tỷ đồng vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án XD CB tập trung của Thành phố, cho các dự án thực hiện theo hình thức PPP (BT, BOT,...) để lập, thẩm định, quyết định chủ trương, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư trong năm 2017. Thực hiện cơ chế thanh toán linh hoạt chi phí công tác chuẩn bị đầu tư trong tổng nguồn vốn giao cho công tác này theo dự toán được duyệt và không phụ thuộc mức vốn giao của từng dự án.

- Kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 11.875 tỷ đồng cho 127 dự án thuộc 7 khối, lĩnh vực (9.323,8 tỷ đồng bố trí cho 74 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 và 2.551,2 tỷ đồng bố trí cho 53 dự án khởi công từ năm 2016 chuyển tiếp thực hiện sang năm 2017), cụ thể kế hoạch vốn phân bổ theo các dự án thuộc các khối, lĩnh vực như sau:

(1) Khối Hạ tầng đô thị: Kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 4.254,77 tỷ đồng (chiếm 24,6% tổng vốn đầu tư công năm 2017 của

Thành phố) cho 40 dự án, bao gồm 2.675,769 tỷ đồng bố trí cho 22 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 và 1.579 tỷ đồng bố trí cho 18 dự án khởi công từ năm 2016 chuyển tiếp thực hiện sang năm 2017; trong đó vốn ngân sách Thành phố bố trí 1.163 tỷ đồng thực hiện 04 công trình trọng điểm.

(2) *Khối ODA*: Kế hoạch năm 2017 cân đối bố trí 3.666,27 tỷ đồng (trong đó có 2.564,07 tỷ đồng vốn ODA) (chiếm 21,2% tổng vốn đầu tư công năm 2017 của Thành phố) cho 9 dự án, bao gồm 3.662,772 tỷ đồng bố trí cho 7 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang thực hiện trong giai đoạn 2016-2020; 3,5 tỷ đồng bố trí cho 2 dự án khởi công từ năm 2016 chuyển tiếp thực hiện sang năm 2017; trong đó vốn ngân sách Thành phố bố trí 3.392 tỷ đồng thực hiện 03 công trình trọng điểm.

(3) *Khối Văn xã*: Kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 1.406 tỷ đồng (chiếm 8,14% tổng vốn đầu tư công năm 2017 của Thành phố) cho 28 dự án, bao gồm 964 tỷ đồng bố trí cho 15 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang thực hiện trong giai đoạn 2016-2020; 442 tỷ đồng bố trí cho 13 dự án khởi công từ năm 2016 chuyển tiếp thực hiện sang năm 2017; trong đó vốn ngân sách Thành phố bố trí 605 tỷ đồng thực hiện 05 công trình trọng điểm.

(4) *Khối Công nghiệp*: Kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 183,3 tỷ đồng (chiếm 1,1% tổng vốn đầu tư công năm 2017 của Thành phố) cho 5 dự án, bao gồm 175,3 tỷ đồng bố trí cho 4 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang thực hiện trong giai đoạn 2016-2020; 8 tỷ đồng bố trí cho 1 dự án khởi công từ năm 2016 chuyển tiếp thực hiện sang năm 2017.

(5) *Khối Nông nghiệp*: Kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 1.640,7 tỷ đồng (chiếm 9,5% tổng vốn đầu tư công năm 2017 của Thành phố) cho 32 dự án, bao gồm 1.173 tỷ đồng bố trí cho 15 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang thực hiện trong giai đoạn 2016-2020; 467,7 tỷ đồng bố trí cho 17 dự án khởi công từ năm 2016 chuyển tiếp thực hiện sang năm 2017; trong đó vốn ngân sách Thành phố bố trí 600 tỷ đồng thực hiện 02 công trình trọng điểm.

(6) *Khối Khoa học công nghệ - Công nghệ thông tin - Truyền thông*: Kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 439,462 tỷ đồng (chiếm 2,5% tổng vốn đầu tư công năm 2017 của Thành phố) cho 3 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015; trong đó vốn ngân sách Thành phố bố trí 291,46 tỷ đồng thực hiện 01 công trình trọng điểm.

(7) *Khối An ninh - quốc phòng - phòng cháy chữa cháy - Tư pháp - Nội chính*: Kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 284,5 tỷ đồng (chiếm 1,7% tổng vốn đầu tư công năm 2017 của Thành phố) cho 10 dự án, bao gồm 233,5 tỷ đồng bố trí cho 8 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang thực hiện trong giai đoạn 2016-2020; 51 tỷ đồng bố trí cho 2 dự án khởi công từ năm 2016 chuyển tiếp thực hiện sang năm 2017.

B. Kết quả đạt được theo phương án Kế hoạch:

Nguồn vốn đầu tư công năm 2017 sau khi bố trí nguồn vốn để thu hồi ứng trước ngân sách Trung ương đến hết kế hoạch năm 2016 chưa bố trí nguồn để thu hồi, bố trí nguồn vốn thanh quyết toán công trình hoàn thành, bố trí nguồn vốn để hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện theo Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 01/12/2015 của HĐND Thành phố, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới (*có lồng ghép Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô*) và Chương trình mục tiêu quốc gia Thành phố về Giảm thiểu ùn tắc giao thông, kinh phí còn lại được tập trung bố trí thực hiện 74 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 và cho 53 dự án khởi công từ năm 2016 chuyển tiếp thực hiện sang năm 2017, năm 2017 không đề xuất bố trí vốn cho các dự án khởi công mới. Tổng cộng trọng năm có 185/251 công trình/dự án được hoàn thành trong năm 2017, trong đó có 79/127 công trình XDCB tập trung của Thành phố, cụ thể như sau:

1. Các dự án trọng điểm của Thành phố

Căn cứ danh mục dự kiến công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2016-2020 đã được Ban Thường vụ Thành ủy thông qua, trên cơ sở chỉ đạo của Thường trực Thành ủy, căn cứ các tiêu chí xác định công trình trọng điểm, khả năng cân đối và huy động nguồn vốn, UBND Thành phố đã rà soát và đề xuất danh mục dự án, công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2016-2020, theo đó tổng số dự án, công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 là 52 dự án trong đó có 24 công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 6.051,24 tỷ đồng cho 15 dự án, trong đó dự kiến có 5 dự án/công trình trọng điểm sử dụng vốn ngân sách cấp Thành phố và 1 dự án sử dụng vốn ngân sách quận Thanh Xuân hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, cụ thể như sau:

(1) Hoàn thành 73,73 ha khu LHXLCST Sóc Sơn nhằm đảm bảo xử lý, giải quyết việc thu gom rác của Thành phố; dự kiến tăng khả năng thu gom rác của toàn Thành phố lên khoảng 25%.

(2) Đầu tư, nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất cho Bệnh viện Thanh Nhàn - giai đoạn 2 nhằm đảm bảo đạt chuẩn cho bệnh viện đa khoa có quy mô 550 giường, góp phần giãn mật độ và giảm tải số giường bệnh cho các bệnh viện trong Thành phố, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân.

(3) Nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất cho Bệnh viện Phụ sản Hà Nội với quy mô 310 giường nhằm đảm bảo đạt chuẩn về xây dựng và trang thiết bị y tế phục vụ cho công tác chăm sóc, khám chữa bệnh chuyên khoa phụ sản, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân.

(4-5) Hoàn thành 02 cầu vượt ô Đông Mác - Nguyễn Khoái và tại Nút giao Cổ Linh nhằm nâng cao năng lực giao thông nhằm giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông trong khu vực, phát huy hiệu quả khai thác của đường Vành đai I sau khi hoàn thành.

(6) Hoàn thành Công viên hồ điều hòa Nhân Chính, quận Thanh Xuân (*ngân sách quận Thanh Xuân*) với diện tích khoảng 13,23ha nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất, giải quyết nhu cầu vui chơi giải trí, đa dạng hóa phục vụ, nâng cao điều kiện sống của nhân dân trong khu vực, đảm bảo vệ sinh môi trường và phát triển đô thị bền vững; việc xây dựng các công viên cây xanh góp phần hình thành nên không gian công cộng đô thị góp phần cải thiện chất lượng sống của người dân.

2. Các công trình ngoài trọng điểm: Dự kiến hoàn thành 74/112 dự án XDGB tập trung ngoài trọng điểm của Thành phố, 21/31 dự án xây dựng trường học sử dụng vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô, cụ thể như sau:

- Khối đô thị trong năm 2017 dự kiến hoàn thành 19 dự án, trong đó có 17 dự án giao thông, 2 dự án môi trường và hạ tầng kỹ thuật, dự kiến các dự án sẽ tăng thêm cho Thành phố 12,6km đường giao thông, 6 cầu vượt sông, 1 hồ được cải tạo môi trường, 73ha khu xử lý chất thải (tại huyện Sóc Sơn).

- Khối Văn hóa xã hội dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng 31 trường học, 6 bệnh viện, 2 trung tâm y tế và phòng khám, 1 trạm y tế, 1 di tích. Lĩnh vực Giáo dục - đào tạo tăng thêm 281 phòng học, lĩnh vực Y tế tăng thêm 110 giường bệnh.

- Khối Nông nghiệp và PTNT: Dự kiến hoàn thành được khoảng 24 dự án; cơ sở hạ tầng phục vụ SXNN, năng lực hệ thống công trình thủy lợi, đê điều được tăng lên, cụ thể:

+ Nông nghiệp, nông thôn: Xây dựng hạ tầng vùng thủy sản tập trung 93,2 ha; ít nhất có thêm 22 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Đê điều: Hoàn thành 9,2 km kè chống sạt lở bờ sông; cải tạo, nâng cấp và kiên cố hoá mặt đê, cơ đê được 31,2 km đảm bảo an toàn đê điều.

+ Thủy lợi: Hoàn thành 02 trạm bơm, 01 hồ chứa, 10 tuyến/hệ thống kênh; nâng diện tích đảm bảo tưới thêm 9.281 ha, đảm bảo tiêu chủ động 600 ha; cải tạo, nâng cấp kiên cố hóa 62,4km kênh tưới, tiêu các loại.

- Lĩnh vực Công nghiệp: Hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật đường và hệ thống mương thoát nước ngoài hàng rào các khu công nghiệp Đài Tư, Quang Minh I, Phú Nghĩa, Hồ trợ Nam Hà Nội với 4.202,7m đường và 1400m tuyến mương; Hoàn thành Trung tâm đào tạo cán bộ quản lý năng lượng Hà Nội để tiếp nhận, trao đổi, phổ biến các mô hình, giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của các Trung tâm tiết kiệm năng lượng trong ASEAN, Châu Á và trên thế giới với quy mô đào tạo 250 học viên/năm tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

- Lĩnh vực Thương mại: Đưa vào sử dụng nhà kho tạm giữ hàng hóa, phương tiện vi phạm thuộc Chi cục quản lý thị trường Hà Nội; 4 trụ sở Đội quản lý thị trường trực thuộc Chi cục quản lý thị trường Hà Nội.

- Lĩnh vực công nghiệp - thương mại - dịch vụ: Hoàn thành đưa vào sử dụng 03 tuyến đường ngoài hàng rào khu, cụm công nghiệp và thực hiện đầu tư

01 hệ thống mương thoát nước hoàn thành sau 2017, các dự án này thực hiện nhằm hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào khu công nghiệp và cụm công nghiệp; Đưa vào sử dụng 04 trụ sở làm việc mới cho 04 đội quản lý thị trường; Xây dựng và đưa vào sử dụng 01 nhà kho tạm giữa hàng hóa, phương tiện vi phạm chung của Thành phố; Hỗ trợ ngoài hàng rào cảng cạn ICD Cổ Bi.

- Lĩnh vực CNTT: Hoàn thành chuyển đổi công nghệ số hóa sản xuất, phát sóng truyền hình Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội giai đoạn 2013-2015 chuyển đổi dây chuyền sản xuất theo công nghệ số HDTV tại kênh 1 và thiết bị công nghệ số tại các khâu tiền kỳ, hậu kỳ phát sóng tại kênh 2.

- Lĩnh vực an ninh, quốc phòng, PCCC dự kiến hoàn thành 3 trụ sở làm việc của công an các huyện Mỹ Đức, Mê Linh và thị xã Sơn Tây; 3 công trình quốc phòng; 2 trụ sở làm việc của cảnh sát PCCC (Cơ sở làm việc Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy quận Cầu Giấy thuộc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội và Trụ sở phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Long Biên thuộc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội), tổng diện tích sàn xây dựng 6.038 m² nhà cấp 3; 98 m² nhà xe cấp 4, 982 m² nhà bếp, kho và nhà xe cấp 3.

3. Chương trình mục tiêu và hỗ trợ đặc thù cho 05 huyện, thị xã

Đối với chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố, về cơ bản thực hiện hiện bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp và kết thúc trong năm 2017. Quan tâm chương trình xây dựng nông thôn mới tập trung cho dồn điền đổi thửa và hỗ trợ các xã đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới, dự kiến có thêm 22 xã và 2 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, đối với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô (từ năm 2017 được lồng ghép vào chương trình Xây dựng nông thôn mới) dự kiến hoàn thành 8 dự án điểm trường học, 1 dự án trạm y tế, 6 dự án thủy lợi phục vụ sản xuất và 20 dự án đường giao thông nông thôn.

Về các dự án xây dựng hạ tầng tại địa bàn các xã bị thu hồi đất để xây dựng bãi rác thải tập trung, nghĩa trang tập trung, GPMB để xây dựng công trình trọng điểm của Trung ương và Thành phố trên địa bàn, kế hoạch năm 2017, ngân sách Thành phố cân đối bố trí đủ vốn thực hiện 42 dự án chuyển tiếp từ năm 2015 và năm 2016 nên dự kiến 42 dự án trên sẽ được hoàn thành dứt điểm trong năm 2017.

IV. Một số giải pháp trong xây dựng và điều hành kế hoạch năm 2017

Để tăng cường công tác quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo các công trình, dự án đầu tư thực hiện đạt yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng và tiến độ đề ra; thực hiện kế hoạch năm 2017 có hiệu quả, tập trung triển khai thực hiện một số giải pháp sau:

1. Từng bước điều chỉnh cơ cấu đầu tư

- Cơ cấu lại việc đầu tư các dự án: chuyển các dự án có khả năng thu hồi vốn, có thu phí dịch vụ đã phê duyệt từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước sang đầu tư theo hướng xã hội hóa, BOT, BOO và các hình thức PPP như: cấp nước, bãi

đỗ xe, xử lý chất thải... đồng thời xây dựng chính sách hỗ trợ theo hướng hỗ trợ giải phóng mặt bằng, lãi suất vay đầu tư để huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, giảm nguồn chi ngân sách.

- Tiếp tục thực hiện các dự án BT đã có chủ trương đầu tư qua rà soát các dự án đã được phê duyệt.

- Việc đầu tư trọng tâm trọng điểm, tránh dàn trải để danh mục công trình được ghi Kế hoạch sớm hoàn thành, đảm bảo chất lượng và sớm đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí.

2. Tập trung hoàn thiện thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư; kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư

- Tập trung lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư với các dự án dự kiến đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của cấp Thành phố chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ: số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 và 316/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015, Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 01/12/2015 của HĐND Thành phố, xong trước ngày 30/6/2017.

- Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư theo đúng quy định của Luật Đầu tư công: Quá trình thẩm định và phê duyệt cần rà soát kỹ sự cần thiết, quy mô từng hạng mục dự án, đảm bảo tiết kiệm hiệu quả, phù hợp với khả năng nguồn vốn.

- Rà soát lại các dự án đã phê duyệt, kể cả dự án chuyển tiếp theo hướng cắt bỏ, giảm vốn các nội, dung, hạng mục chưa thực sự cần thiết, có thể đầu tư khi có điều kiện về nguồn vốn.

- Hoàn thiện lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 đối với danh mục các dự án dự kiến khởi công mới trong 4 năm 2017-2020 theo đúng hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển của Thủ đô và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI.

3. Kiểm soát chặt chẽ việc thanh toán, tạm ứng kế hoạch vốn XD CB

Kho bạc Nhà nước Hà Nội phối hợp Sở Tài chính và các sở ngành liên quan kiểm soát chặt chẽ việc thanh toán, tạm ứng kế hoạch vốn XD CB, vốn GPMB của các dự án đặc biệt các dự án giai đoạn chuẩn bị thực hiện, không để tình trạng tạm ứng kéo dài khi chưa có khối lượng thực hiện, tạm ứng để bồi thường GPMB nhưng không chi trả đền bù cho dân, tránh hiện tượng các dự án và số dư tạm ứng theo chế độ, chưa thu hồi, chưa quyết toán đề nghị chuyển nguồn sang năm sau. Đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc Chủ đầu tư dự án hoàn thiện hồ sơ, chứng từ các khoản đã thực hiện chi trả cho các đối tượng được đền bù GPMB để thu hồi tạm ứng, thực hiện thu hồi vốn hoàn trả ngân sách theo quy định của UBND Thành phố về cơ chế thực hiện vốn GPMB của từng năm đối với các khoản tạm ứng cho công tác GPMB không còn nhu cầu chi hoặc không chi trả được cho các đối tượng.

4. Tập trung chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành GPMB

- Nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/9/2016 của Thành ủy Hà Nội về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố.

- UBND Thành phố sẽ thường xuyên tiến hành giao ban, kiểm điểm tiến độ GPMB, yêu cầu Ban Chỉ đạo Giải phóng mặt bằng Thành phố; các Bí thư, Chủ tịch quận huyện chỉ đạo quyết liệt, có cam kết và chịu trách nhiệm về tiến độ GPMB.

- Đẩy mạnh công tác phát triển quỹ nhà tái định cư và giải quyết chính sách tái định cư theo hướng đặt hàng để doanh nghiệp đầu tư và khuyến khích người được tái định cư bằng tiền theo quy định mới (Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của UBND Thành phố phê duyệt mức hỗ trợ tự lo tái định cư bằng tiền đối với trường hợp được bố trí nhà tái định cư).

- Ban Chỉ đạo GPMB Thành phố thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ GPMB, chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xác định cụ thể, chi tiết từng trường hợp vướng mắc và có phương án xử lý kịp thời; Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục để các hộ dân trong diện GPMB hiểu, đồng thuận và chấp hành chủ trương GPMB của nhà nước; Thực hiện công tác GPMB công khai, minh bạch, đúng luật, đảm bảo công bằng, chính xác.

5. Giao và điều hành Kế hoạch 2017

- Giao Kế hoạch theo dự toán, trong đó từng công trình phải đảm bảo vốn GPMB, xây lắp và chi phí khác theo tiến độ XD CB. Thực hiện điều hành cơ chế giải ngân vốn GPMB tập trung đối với các dự án trọng điểm.

- Điều hành kế hoạch XD CB theo khả năng nguồn thu, thực hiện các cơ chế linh hoạt để đảm bảo đủ vốn cho các dự án trọng điểm.

- Xây dựng tiến độ cụ thể chi tiết từng loại công việc để kiểm soát tiến độ thực hiện các hạng mục và công trình.

Trên đây là nội dung báo cáo Kế hoạch đầu tư công năm 2017 của cấp Thành phố, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét và thông qua. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban KTNS-HĐND Thành phố;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, KT, ĐT, KGVX, NC, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KT Công.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2017 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2017								Ghi chú
		Kế hoạch				Nguồn vốn thực hiện				
		Số DA triển khai trong năm 2017	Dự kiến CTHT trong năm 2017	Kinh phí	Tỉ lệ	NSTP	Vốn NSTW	ODA	Vốn XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG (A+B)	251	185	24.897.372		22.059.250	84.050	2.564.072	190.000	
A	CHI CHO NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÔNG THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG			7.621.119		7.601.119	20.000			
1	Bổ sung vốn cho Quỹ Phát triển đất			600.000		600.000				
2	Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất			1.000.000		1.000.000				
3	Bổ trí nguồn vốn qua Quỹ Phát triển đất để ứng cho công tác GPMB các dự án XD CB tập trung của Thành phố ngay từ khi được chấp thuận CTĐT và nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và bổ trí nguồn vốn tái định cư bằng tiền theo quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 (khi có phát sinh ngoài chi phí tổng mức đầu tư của dự án)			1.000.000		1.000.000				Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/9/2016 của Thành ủy và Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 12/10/2016 của UBND Thành phố
4	Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Đầu tư Phát triển			390.000		390.000				
5	Ghi thu ghi chi vốn đầu tư cho các dự án BT			3.300.000		3.300.000				
6	Bổ sung vốn cho Quỹ giải quyết việc làm			200.000		200.000				
7	Bổ sung vốn cho Quỹ hỗ trợ nông dân			20.000		20.000				
8	Chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp			50.000		50.000				
9	Cấp lại tiền thu đầu giá quyền sử dụng đất cho các xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới (thực hiện năm 2016, cấp lại năm 2017)			200.000		200.000				
10	Cấp lại tiền bán nhà cho Cục Tài chính Bộ Quốc phòng			15.000		15.000				
11	Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo QĐ 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ			20.000			20.000			Chi tiết kế hoạch vốn NSTW hỗ trợ tại Phụ lục 7
12	Chi trả nợ gốc và lãi năm 2016, từ năm 2017 chỉ bổ trí chi trả lãi theo quy định tại Khoản 3 Điều 38 Luật NSNN năm 2015			726.119		726.119				
13	Hỗ trợ địa phương bạn			100.000		100.000				

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2017								Ghi chú
		Kế hoạch				Nguồn vốn thực hiện				
		Số DA triển khai trong năm 2017	Dự kiến CTHT trong năm 2017	Kinh phí	Tỉ lệ	NSTP	Vốn NSTW	ODA	Vốn XSKT	
B	VỐN BỐ TRÍ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG	251	185	17.276.253	100,00%	14.458.131	64.050	2.564.072	190.000	
B1	Bố trí vốn chi trả nợ, thu hồi ứng trước, vốn thanh quyết toán và dự phòng			1.875.000	10,85%	1.850.000	25.000			
1	Bố trí thu hồi các khoản ứng trước đến hết Kế hoạch năm 2016 chưa bố trí nguồn để thu hồi			25.000			25.000			Chi tiết tại Phụ lục 7
2	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành			150.000		150.000				
3	Dự phòng (10%)			1.700.000		1.700.000				
B2	Vốn phân bổ hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện, thực hiện các chương trình mục tiêu, dự án đầu tư XDCB	251	185	15.401.253	89,15%	12.608.131	39.050	2.564.072	190.000	
I	Ngân sách thành phố hỗ trợ cho cấp huyện	73	63	1.966.500	11,38%	1.776.500			190.000	
1	Ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho các quận, huyện, thị xã			1.476.500	8,55%	1.476.500				Chi tiết tại Phụ lục 2
2	Ngân sách Thành phố hỗ trợ đặc thù cho một số huyện, thị xã	42	42	300.000	1,74%	300.000				Chi tiết tại Phụ lục 3
3	Hỗ trợ các quận, huyện, thị xã xây dựng trường học, trạm y tế từ nguồn vốn ngân sách và vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô	31	21	190.000	1,10%				190.000	Chi tiết tại Phụ lục 4
II	Chương trình mục tiêu	51	43	1.409.750	8,16%	1.409.750				Chi tiết tại Phụ lục 5
1	CTMT quốc gia về Xây dựng nông thôn mới lồng ghép thực hiện Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020	49	42	1.216.800	7,04%	1.216.800				
2	CTMT Thành phố về Giảm thiểu ùn tắc giao thông	2	1	192.950	1,12%	192.950				
III	Vốn XDCB tập trung cấp Thành phố	127	79	12.025.003	69,60%	9.421.881	39.050	2.564.072		Chi tiết tại Phụ lục 6
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	74	43	9.323.803	53,97%	6.722.681	39.050	2.562.072		
	Dự án khởi công năm 2016	53	36	2.551.200	14,77%	2.549.200		2.000		
	Trong đó: - Công trình trọng điểm	15	5	6.051.239		3.648.412	39.050	2.363.777		
	Bố trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án XDCB tập trung của Thành phố, cho các dự án thực hiện theo hình thức PPP (BT, BOT,...)			150.000		150.000				
1	Khối Hạ tầng đô thị	40	19	4.254.769	24,63%	4.254.769				
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	22	9	2.675.769	15,49%	2.675.769				
	Dự án khởi công năm 2016	18	10	1.579.000	9,14%	1.579.000				
	Trong đó: - Công trình trọng điểm	4	2	1.163.000		1.163.000				
2	Khối ODA	9		3.666.272	21,22%	1.102.200		2.564.072		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	7	3	3.662.772	21,20%	1.100.700		2.562.072		
	Dự án khởi công năm 2016	2		3.500	0,02%	1.500		2.000		
	Trong đó: - Công trình trọng điểm	3		3.391.777		1.028.000		2.363.777		

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2017								Ghi chú
		Kế hoạch				Nguồn vốn thực hiện				
		Số DA triển khai trong năm 2017	Dự kiến CTHT trong năm 2017	Kinh phí	Tỉ lệ	NSTP	Vốn NSTW	ODA	Vốn XSKT	
3	Khởi Văn xã	28	20	1.406.000	8,14%	1.406.000				
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	15	10	964.000	5,58%	964.000				
	Dự án khởi công năm 2016	13	10	442.000	2,56%	442.000				
	Trong đó: - Công trình trọng điểm	5	3	605.000		605.000				
4	Khởi Công nghiệp	5	3	183.300	1,06%	183.300				
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	4	2	175.300	1,01%	175.300				
	Dự án khởi công năm 2016	1	1	8.000	0,05%	8.000				
5	Khởi Nông nghiệp	32	24	1.640.700	9,50%	1.601.650	39.050			
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	15	10	1.173.000	6,79%	1.133.950	39.050			Chi tiết kế hoạch vốn NSTW hỗ trợ tại Phụ lục 7
	Dự án khởi công năm 2016	17	14	467.700	2,71%	467.700				
	Trong đó: - Công trình trọng điểm	2		600.000		560.950	39.050			
6	Khởi Báo đài, KHCN-CNTT-TTTT	3	2	439.462	2,54%	439.462				
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	3	2	439.462	2,54%	439.462				
	Trong đó: - Công trình trọng điểm	1		291.462		291.462				
7	Khởi An ninh-PCCC-Quốc phòng-Tư pháp-Nội chính	10	8	284.500	1,65%	284.500				
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	8	7	233.500	1,35%	233.500				
	Dự án khởi công năm 2016	2	1	51.000		51.000				

**BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2017 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ**

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	HUYỆN/THỊ XÃ	NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ NĂM 2017
1	2	3
	TỔNG CỘNG	1.476.500
1	HUYỆN BA VÌ	104.250
2	HUYỆN CHƯƠNG MỸ	84.250
3	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG	64.250
4	HUYỆN ĐÔNG ANH	64.250
5	HUYỆN GIA LÂM	64.250
6	HUYỆN HOÀI ĐỨC	64.250
7	HUYỆN MÊ LINH	84.250
8	HUYỆN PHÚ XUYÊN	84.250
9	HUYỆN MỸ ĐỨC	104.250
10	HUYỆN PHÚC THỌ	84.250
11	HUYỆN QUỐC OAI	84.250
12	HUYỆN SÓC SƠN	104.250
13	HUYỆN THẠCH THẤT	84.250
14	HUYỆN THANH OAI	84.250
15	HUYỆN THANH TRÌ	64.250
16	HUYỆN THƯỜNG TÍN	84.250
17	HUYỆN ỨNG HÒA	84.250
18	THỊ XÃ SƠN TÂY	84.250

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2017 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI HỖ TRỢ ĐẶC THÙ CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG BỊ THU HỒI ĐẤT PHỤC VỤ XÂY DỰNG BÃI RÁC THẢI TẬP TRUNG, NGHĨA TRANG TẬP TRUNG, CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ THÀNH PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí/ đã giải ngân từ KC đến 31/12/2016		Dự kiến Thành phố hỗ trợ năm 2017	CTHT 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng 2016				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	2	40					1.013.464	607.888	165.500	300.000	42		
	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	2	8					477.727	349.838	91.500	78.500	10		
	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		32					535.737	258.050	74.000	221.500	32		
	HUYỆN BA VÌ		2					261.673	165.704	49.000	75.500	2		Phục vụ GPMB Khu XLCT Xuân Sơn, Nghĩa trang Minh
	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		3					134.509	113.654	32.000	12.000	3		
	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		6					127.164	52.050	17.000	63.500	6		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		3					134.509	113.654	32.000	12.000	3		
L2	Nghĩa trang Yên Kỳ		3					134.509	113.654	32.000	12.000	3		
1	Trường tiểu học Thái Hòa		1	Thái Hòa	2014-2017	Xây mới	1407/QĐ-UBND 29/10/2010 136/QĐ-UBND 20/2/2014	37.961	31.800	7.000	4.000	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Xây dựng bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh huyện Ba Vì		1	Tân Lĩnh	2013-2016	Xây mới	1189/QĐ-UBND ngày 23/10/2012	48.500	40.000	10.000	4.000	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới tiêu Châu Sơn, Tân Hồng		1	Thái Hòa	2013-2016	Nâng cấp, cải tạo	2432/QĐ-UBND 27/3/2013; 430/QĐ-UBND 05/5/2015	48.048	41.854	15.000	4.000	1	UBND huyện Ba Vì	Huyện Ba Vì đề xuất tại Tờ trình số 1825/TTr-UBND ngày 02/11/2016
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		6					127.164	52.050	17.000	63.500	6		
II.1	Khu xử lý chất thải Xuân Sơn		3					59.331	28.000		25.000	3		
1	Đường giao thông thôn Tam Mỹ		1	Tân Lĩnh	2016-2020	5 km	182/QĐ-UBND 22/3/2012; 268/QĐ-UBND 13/4/2012	29.468	14.000		13.000	1	UBND huyện Ba Vì	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bỏ trí/ đã giải ngân từ KC đến 31/12/2016		Dự kiến Thành phố hỗ trợ năm 2017	CTHT 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số	Riêng 2016				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Cải tạo, sửa chữa mặt đường và hệ thống thoát nước đường từ tỉnh lộ 414 đi Yên Thành		1	Tân Lĩnh	2016-2020	2,145 km	1070/QĐ-UBND 19/10/2011	14.932	7.000		6.000	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Cải tạo, sửa chữa nền đường và hệ thống thoát nước đường giao thông trục xã Tân Lĩnh		1	Tân Lĩnh	2016-2020	3,08 km	730/QĐ-UBND 16/8/2011	14.931	7.000		6.000	1	UBND huyện Ba Vì	
II.2	Nghĩa trang Yên Kỳ		3					67.833	24.050	17.000	38.500	3		
1	Phòng làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Thái Hòa.		1	Thái Hòa	2015-2017		1095/QĐ-UBND 03/10/2014	14.950	10.250	6.000	3.500	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Nâng cấp đường giao thông thôn Yên Kỳ		1	Phú Sơn	2015-2018	L=3,5km, cấp VI	1156/QĐ-UBND 27/10/2011 785/QĐ-UBND 27/5/216	29.866	11.300	11.000	16.000	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Xây dựng hệ thống đường giao thông liên xã kết hợp cải tạo hồ trung tâm xã Vật Lại		1	Vật Lại	2015-2017		194/QĐ-UBND 11/3/2014	23.017	2.500		19.000	1	UBND huyện Ba Vì	Huyện Ba Vì đề xuất tại Tờ trình số 1825/TTr-UBND ngày 18/12/2015
	HUYỆN QUỐC OAI		2					129.590	71.500	58.500	47.000	2		Phục vụ GPMB Khu công nghệ cao Hòa Lạc
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		3					43.491	23.500	23.500	16.000	3		
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		6					86.099	48.000	35.000	31.000	6		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		3					43.491	23.500	23.500	16.000	3		
1	Đường giao thông thôn 6 xã Phú Cát		1	Phú Cát	2013-2016		22/QĐ-UBND 14/02/2014	14.968	10.000	10.000	4.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Đường giao thông thôn 5 xã Phú Cát		1	Phú Cát	2013-2016		702/QĐ-UBND 12/3/2015	14.467	8.000	8.000	5.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Đường giao thông thôn 3 xã Phú Cát		1	Phú Cát	2013-2016		1540/QĐ-UBND 18/6/2015	14.056	5.500	5.500	7.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		6					86.099	48.000	35.000	31.000	6		
*	Lĩnh vực giao thông													
1	Đường giao thông liên thôn 5, thôn 7 xã Phú Cát.		1	Phú Cát	2015-2017		3671/QĐ-UBND 03/9/2014	14.897	10.000	6.000	3.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Đường giao thông liên thôn 2, thôn 4 xã Phú Cát.		1	Phú Cát	2015-2017		3672/QĐ-UBND 03/9/2014	13.776	10.000	6.000	3.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Đường giao thông thôn 3, thôn 4 xã Phú Cát.		1	Phú Cát	2015-2017		3674/QĐ-UBND 03/9/2014	14.680	10.000	5.000	3.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
*	Lĩnh vực trường học													

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí/ đã giải ngân từ KC đến 31/12/2016		Dự kiến Thành phố hỗ trợ năm 2017	CTHT 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Riêng 2016				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Trường Mầm non Phú Cát (Điểm trường khu A, khu C)		1	Phú Cát	2015-2017		2702/QĐ-UBND ngày 9/9/2014	14.975	6.000	6.000	7.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Trường Tiểu học Phú Cát		1	Phú Cát	2015-2017		2713/QĐ-UBND ngày 10/9/2014	13.000	6.000	6.000	6.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Trường THCS Phú Cát		1	Phú Cát	2015-2017		3294/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	14.771	6.000	6.000	7.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
	HUYỆN SÓC SƠN	1	12					369.791	222.400		93.500	13		Phục vụ GPMB Khu XLCT Sóc Sơn, Nghĩa trang Minh
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1						160.000	121.400		14.500	1		
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		12					209.791	101.000		79.000	12		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1						160.000	121.400		14.500	1		
II.1	Khu xử lý chất thải Sóc Sơn	1						160.000	121.400		14.500	1		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Hồng Kỳ - Bắc Sơn và tuyến nhánh chợ Châu - Đô Tân	1		Xã Hồng Kỳ, Bắc Sơn	2013-2017	L=14,487Km; B=9m; công trình cấp IV đồng bằng	6557/QĐ-UBND 30/10/2013	160.000	121.400		14.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn đề xuất tại Tờ trình số 150/TT-UBND ngày 03/11/2016
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		12					209.791	101.000		79.000	12		
II.1	Khu xử lý chất thải Sóc Sơn		12					209.791	101.000		79.000	12		
1	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Hồng Kỳ - Lai Sơn - Đa Hội đi Vạn Phái, Thái Nguyên		1	Xã Bắc Sơn	2016-2017	L=15km; đường GTNT loại A; Bm=4m; Bn=5,5m	8734/QĐ-UBND 31/12/2014	36.251	15.000		15.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ núi Đô Lương - Lương Đình - Nam Lý - Lai Sơn và tuyến nhánh hồ Chiêu Đàng đến phố Châu		1	Xã Bắc Sơn	2016-2017	L=8,3km; đường GTNT loại A; Bmđ=4m; Bn=5,5m	8735/QĐ-UBND 31/12/2014	26.164	15.000		7.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cụm trường mầm non Đô Tân, xã Bắc Sơn		1	Xã Bắc Sơn	2016-2017	12 lớp học, nhà hiệu bộ, hạng mục phụ trợ, HTKT, thiết bị	8942/QĐ-UBND 3/10/2012	26.220	10.000		12.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	
4	Cụm trường mầm non Đô Lương-Đa Hội, Bắc Sơn		1	Xã Bắc Sơn	2016-2017	5 lớp học, nhà thể chất, hiệu bộ, hạng mục phụ trợ, HTKT, thiết bị	5617/QĐ-UBND 26/10/2016	24.159	10.000		11.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Hồng Kỳ		1	Xã Hồng Kỳ	2016-2017	XD 3 phòng, chức năng, nhà giáo dục thể chất, nhà để xe, hệ thống HTKT + thiết bị, cải tạo khối nhà học cũ	6166/QĐ-UBND 24/10/2013	14.982	4.000		9.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí/ đã giải ngân từ KC đến 31/12/2016		Dự kiến Thành phố hỗ trợ năm 2017	CTHT 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Riêng 2016				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	Xây dựng Trường mầm non Nam Sơn khu Thanh Hà		1	Xã Nam Sơn	2016-2017	Xây khối nhà 02 tầng 6 phòng học, hạng mục phụ trợ đồng bộ, PCCC, thiết bị	5586/QĐ-UBND 25/10/2016	14.068	4.000		8.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
7	Xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước rác hai bên tuyến đường nối từ tỉnh lộ 35 đi công phía Nam Bãi rác Nam Sơn		1	Xã Nam Sơn	2016-2017	L=3,6km	5630/QĐ-UBND 26/10/2016	11.519	5.000		3.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn đề xuất hỗ trợ 3,5 tỷ đồng tại Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 03/11/2016 đề
8	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường liên thôn xã Hồng Kỳ		1	Xã Hồng Kỳ	2016-2017	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	5028/QĐ-UBND 16/9/2016	10.550	8.000		1.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	
9	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính thôn Xuân Bàng, thôn Đông Hạ (giai đoạn I) - xã Nam Sơn		1	Xã Nam Sơn	2016-2017	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	5585/QĐ-UBND 25/10/2016	9.732	8.000		1.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
10	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính thôn Liên Xuân - xã Nam Sơn		1	Xã Nam Sơn	2016-2017	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	5573/QĐ-UBND 24/10/2016	14.353	8.000		4.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	
11	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới hồ Hoa Sơn		1	Xã Nam Sơn	2016-2017	L=8Km	5678/QĐ-UBND 27/10/2016	11.496	7.000		3.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
12	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới hồ Non Chùa, cửa rừng xóm 15, xã Nam Sơn		1	Xã Nam Sơn	2016-2017	L=7Km	5689/QĐ-UBND 28/10/2016	10.297	7.000		2.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
	HUYỆN THẠCH THẮT	1	4					149.919	103.284	42.000	34.000	5		Phục vụ GPMB Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Nhà máy XLCT
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1						96.130	72.284	20.000	15.000	1		
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		4					53.789	31.000	22.000	19.000	4		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1						96.130	72.284	20.000	15.000	1		
1	Đường tỉnh 419 đi Tân Xã	1		H. Thạch Thắt	2016-2017	5,3km	1429/QĐ-UBND 28/5/2008, 5129/QĐ-UBND 09/10/2015	96.130	72.284	20.000	15.000	1	UBND huyện Thạch Thắt	
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		4					53.789	31.000	22.000	19.000	4		
1	Trường trung học cơ sở BPC giai đoạn 2		1	Xã Thạch Hòa	2016-2017	Đạt chuẩn QG	1663/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	13.914	8.000	5.000	5.000	1	UBND huyện Thạch Thắt	
2	Tiểu học khu dân dụng BPC giai đoạn 2		1	Xã Thạch Hòa	2016-2017	Đạt chuẩn QG	1664/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	14.187	8.000	5.000	5.000	1	UBND huyện Thạch Thắt	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí/ đã giải ngân từ KC đến 31/12/2016		Dự kiến Thành phố hỗ trợ năm 2017	CTHT 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Riêng 2016				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Trường MN Khoang Mè xã Hạ Bằng		1	Xã Hạ Bằng	2016-2017		6747/QĐ-UBND ngày 24/10/2012	10.697	7.000	7.000	3.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
4	Nhà văn hóa, bưu điện, thể thao khu dân dụng BPC		1	Xã Thạch Hòa	2016-2017	1550m2	1665/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	14.991	8.000	5.000	6.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
	THI XÃ SƠN TÂY		6					102.491	45.000	16.000	50.000	6		Phục vụ GPMB Khu XLCT Xuân Sơn
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		2					43.597	19.000	16.000	21.000	2		
II	DỰ ÁN KHÔI CÔNG NĂM 2016		4					58.894	26.000		29.000	4		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		2					43.597	19.000	16.000	21.000	2		
1	Chợ Mía Đường Lâm		1	Đường Lâm	2015-2017	Xây mới	626/QĐ-UBND 06/6/2012	13.731	7.000	6.000	6.000	1	UBND Thị xã Sơn Tây	
2	Cải tạo, nâng cấp đường 413 đi Kỳ Sơn, xã Xuân Sơn		1	Xã Xuân Sơn	2015-2017	Cải tạo, sửa chữa	1486/QĐ-UBND 04/12/2014	29.866	12.000	10.000	15.000	1	UBND Thị xã Sơn Tây	
II	DỰ ÁN KHÔI CÔNG NĂM 2016		4					58.894	26.000		29.000	4		
1	Đường giao thông liên xã Xuân Sơn - Tân Lĩnh (6 nhánh)		1	Xuân Sơn	2017-2020	L= 2.739,22 m, gồm 6 nhánh GTNT cấp A, Bm=3,5m	185a/QĐ-UBND ngày 24/3/2016	15.000	7.000		7.000	1	UBND Thị xã Sơn Tây	
2	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn, thôn An Sơn, Nhân Lý, Kỳ Sơn, xã Xuân Sơn		1	Xuân Sơn	2017-2020	3,5km GTNT cấp A, tuyến chính có Bm=5m, tuyến nhánh Bm=3-3,5m	1689a/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	14.930	7.000		7.000	1	UBND Thị xã Sơn Tây	
3	Cải tạo, nạo vét đập cầu lồi và đập ghém xã Xuân Sơn (Nạo vét 02 hồ đập với tổng diện tích 2,069ha. Cải tạo mặt đường quanh đầm, kè đá xây, cống thoát nước)		1	Xuân Sơn	2017-2020	Diện tích 2,069ha	100a/QĐ-UBND ngày 23/3/2016	14.974	6.000		8.000	1	UBND Thị xã Sơn Tây	
4	Xây dựng ô chôn lấp bùn thoát nước tại khu XLCT Xuân Sơn, Sơn Tây		1	Xuân Sơn	2016-2017	Xây dựng 4 ô chôn lấp bùn	1282/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	13.990	6.000		7.000	1	UBND Thị xã Sơn Tây	

BIỂU DANH MỤC KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ NĂM 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Số dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/CTĐT được duyệt		Lũy kế đến hết 2016	Kế hoạch năm 2017	CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG	31					631.548	261.550	190.000	21		
I	Dự án chuyển tiếp	29					592.147	261.550	177.500	21		
II	Dự án mới	2					39.401		12.500			
I	Dự án chuyển tiếp	29					592.147	261.550	177.500	21		
I.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2017	21					378.410	186.100	132.000	21		
	- Lĩnh vực giáo dục											
1	Trường mầm non Tòng Bạt - khu Đồi Dại	1	Ba Vì	2016-2017		462/QĐ-UBND ngày 07/6/2011; 1265/QĐ-UBND ngày 15/10/2014	14.993	4.000	9.500	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Xây dựng trường tiểu học Văn Đức	1	Gia Lâm	2016-2017	Phá dỡ nhà cấp 4 một tầng, xây dựng bổ sung nhà học 3 tầng 12 phòng học, chức năng và các hạng mục phụ trợ	4163/QĐ-UBND ngày 05/8/2015	17.053	5.000	9.500	1	UBND huyện Gia Lâm	
3	Trường mầm non Kim Hoa	1	Mê Linh	2016-2018	2 tầng	6323/QĐ-UBND ngày 23/10/2014	29.264	11.100	14.500	1	UBND huyện Mê Linh	NSTP hỗ trợ 70%, NS huyện bố trí 6 tỷ đồng
4	Trường THCS Hợp Thanh	1	Mỹ Đức	2015-2017	Nhà lớp học bộ môn, hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	2129/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	14.995	9.300	4.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
5	Trường tiểu học Hương Sơn A	1	Mỹ Đức	2015-2017	Nhà lớp học 3 tầng, nhà hiệu bộ	156/QĐ-UBND ngày 23/01/2013	29.907	17.000	8.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	

STT	Số dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/CTBT được duyệt		Lũy kế đến hết 2016	Kế hoạch năm 2017	CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
6	Trường mầm non Văn Hoàng	1	Phú Xuyên	2015-2017	Xây dựng mới nhà 3 tầng: lớp học, phòng bộ môn, khu hành chính và các hạng mục phụ trợ	5033/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	14.329	9.000	3.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
7	Trường THCS thị trấn Phú Xuyên	1	Phú Xuyên	2015-2017	Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	4807/QĐ-UBND ngày 03/10/2014	14.776	9.000	4.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
8	Trường tiểu học xã Liên hiệp huyện Phúc Thọ	1	Phúc Thọ	2015-2017	Nhà lớp học 3 tầng, nhà hiệu bộ, nhà tập đa năng và các hạng mục phụ trợ	4044a/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	19.657	11.800	5.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
9	Trường mầm non trung tâm xã Sài Sơn	1	Quốc Oai	2015-2017	Nhà lớp học 2 tầng, phòng chức năng, nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ	2994/QĐ-UBND ngày 11/10/2010; 4545a/QĐ-UBND ngày 12/12/2014	13.787	7.000	6.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
10	Trường THCS Đồng Quang	1	Quốc Oai	2016-2018	2 tầng, 8 phòng	2575/QĐ-UBND ngày 20/10/2015	14.816	5.000	7.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
11	Trường Tiểu học xã Thạch Thán	1	Quốc Oai	2015-2017	3 tầng 18 phòng	3541/QĐ-UBND ngày 21/10/2009; 4790/QĐ-UBND ngày 22/12/2014	19.483	9.300	8.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
12	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Trưng Giã (khu B)	1	Sóc Sơn	2016-2018	Xây mới khối nhà học và nhà hiệu bộ 2 tầng, cải tạo nhà học 2 tầng cũ, xây dựng đồng bộ hạng mục phụ trợ, HTKT, mua sắm thiết bị	6263/QĐ-UBND ngày 29/10/2013	20.000	5.000	9.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Ngân sách huyện đã bố trí 3,6 tỷ đồng thực hiện dự án
13	Nhà trẻ 19/5 thị trấn Liên Quan	1	Thạch Thất	2016-2018	Phòng chức năng, công trình phụ trợ	5850/QĐ-UBND ngày 21/8/2014	29.930	8.000	11.000	1	UBND huyện Thạch Thất	Ngân sách huyện đã bố trí 7,5 tỷ đồng thực hiện dự án
14	Trường THCS xã Phương Trung	1	Thanh Oai	2015-2017	Nhà hiệu bộ 3 tầng, nhà lớp học bộ môn 3 tầng và các hạng mục phụ trợ	2867/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	14.620	9.000	3.500	1	UBND huyện Thanh Oai	

STT	Số dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/CTĐT được duyệt		Lũy kế đến hết 2016	Kế hoạch năm 2017	CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
15	Trường THCS xã Liên Châu	1	Thanh Oai	Từ năm 2013	Nhà hiệu bộ, nhà đa năng, nhà lớp học bộ môn 3 tầng	1223b/QĐ-UBND ngày 25/10/2012	14.961	9.300	3.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
16	Trường MN thôn Đàn Viên xã Cao Viên	1	Thanh Oai	2016-2018	nhà lớp học 2T, nhà lớp học chức năng, các hạng mục phụ trợ	1419/QĐ-UBND ngày 24/10/2011; 2163/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	14.976	6.000	6.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
17	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Vạn Phúc, huyện Thanh Trì	1	Thanh Trì	2015-2017	Xây dựng mới nhà lớp học 3 tầng kết hợp các phòng chức năng	6082/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	11.732	7.000	3.500	1	UBND huyện Thanh Trì	
18	Trường THCS Quất Động	1	Thường Tín	2016-2018		3660/QĐ-UBND ngày 12/5/2014	9.487	4.000	3.500	1	UBND huyện Thường Tín	
19	Trường THCS xã Đội Bình	1	Ứng Hòa	2015-2017	Nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn 3 tầng	810/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	14.970	9.300	4.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
20	Trường Mầm non trung tâm xã Đại Cường	1	Ứng Hòa	2015-2017	Nhà lớp học 2 tầng, 12 phòng	600/QĐ-UBND ngày 26/10/2013	29.921	20.000	6.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	Ngân sách huyện bố trí 3 tỷ đồng thực hiện dự án
	- Lĩnh vực Y tế											
21	Cải tạo, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Ngọc Tảo	1	Phúc Thọ	2016-2018	Xây mới PKĐK 3 tầng	3457/QĐ-SYT ngày 30/10/2010	14.753	11.000	2.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
I.2	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017	8					213.737	75.450	45.500			
1	Trường THCS Phụng Châu, huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	2015-2017		1325/QĐ-UBND ngày 23/10/2013	29.520	16.300	5.500		UBND huyện Chương Mỹ	
2	Trường mầm non trung tâm xã Lam Điền	1	Chương Mỹ	2016-2018		5015/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	28.208	7.000	7.000		UBND huyện Chương Mỹ	
3	Xây dựng trung tâm mầm non thôn Tiên Hội, xã Đông Hội	1	Đông Anh	2016-2018	06 nhóm lớp	3282/QĐ-UBND ngày 12/10/2012	29.207	11.450	9.000		UBND huyện Đông Anh	NSTP hỗ trợ 70%, Ngân sách huyện bố trí 6 tỷ đồng
4	Trường tiểu học xã Phù Lưu Tế	1	Mỹ Đức	2015-2017	Nhà lớp học, nhà hiệu bộ	1899/QĐ-UBND ngày 18/9/2014	29.213	15.700	5.000		UBND huyện Mỹ Đức	

STT	Số dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/CTĐT được duyệt		Lũy kế đến hết 2016	Kế hoạch năm 2017	CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	Trường mầm non TT xã Hồng Sơn khu trung tâm	1	Mỹ Đức	2016-2018		1311/QĐ-UBND ngày 11/7/2014	29.989	7.500	4.000		UBND huyện Mỹ Đức	
6	Trường mầm non trung tâm Minh Tân	1	Phú Xuyên	2016-2018		716/QĐ-UBND ngày 04/3/2015	24.000	6.500	6.000		UBND huyện Phú Xuyên	
7	Cải tạo nâng cấp trường mầm non xã Ngọc Tảo	1	Phúc Thọ	2016-2018	Nhà lớp học, hiệu bộ	5608/QĐ-UB ngày 31/12/2013	14.500	4.000	4.000		UBND huyện Phúc Thọ	
8	Trường THCS xã Hòa Nam	1	Ứng Hòa	2016-2018		149/QĐ-UBND ngày 28/3/2014	29.100	7.000	5.000		UBND huyện Ứng Hòa	
II	Dự án mới	2					39.401		12.500			
1	Trường Mầm non khu Trung tâm Thượng Vực, xã Thượng Vực	1	Chương Mỹ	2017-2018		9136/QĐ-UBND ngày 20/10/2016	25.507		8.000		UBND huyện Chương Mỹ	
2	Trường tiểu học xã Văn Tự	1	Thường Tín	2017-2018	Xây mới	6000/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	13.894		4.500		UBND huyện Thường Tín	

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2017 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THÀNH PHỐ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí giải ngân từ KC đến hết 2016	Kế hoạch vốn năm 2017	CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMBT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		1	50					5.472.340	1.347.200	1.409.750	43		
I	CTMTQG Xây dựng nông thôn mới			49					5.190.814	1.335.150	1.216.800	42		
1	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (05 tỷ đồng/xã)								710.000	250.000	110.000			
-	Sơn Tây						3 xã		15.000	5.000	5.000			
-	Ba Vì						17 xã		85.000	15.000	5.000			
-	Chương Mỹ						13 xã		65.000	30.000	5.000			
-	Gia Lâm						5 xã		25.000	10.000	15.000			
-	Mê Linh						7 xã		35.000	25.000	10.000			
-	Mỹ Đức						13 xã		65.000	20.000	10.000			
-	Phủ Xuyên						14 xã		70.000	30.000	10.000			
-	Phúc Thọ						5 xã		25.000	15.000	5.000			
-	Quốc Oai						10 xã		50.000	30.000	10.000			
-	Sóc Sơn						9 xã		45.000	15.000	5.000			
-	Thạch Thất						9 xã		45.000	10.000	10.000			
-	Thanh Oai						9 xã		45.000	10.000	5.000			
-	Thường Tín						12 xã		60.000	25.000	5.000			
-	Ứng Hòa						16 xã		80.000	10.000	10.000			
2	Hỗ trợ kiên cố hóa thủy lợi nội đồng, giao thông thôn xóm theo Quyết định 16/2012/QĐ-UBND ngày 06/7/2012								3.455.453	670.000	696.800			Nghị quyết 17/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 cho phép tiếp tục thực hiện
-	Sơn Tây						48,3km GTNT, 176,8km kênh mương		79.080	27.800	25.000			
-	Ba Vì						119,6km GTNT, 156,5km kênh mương		111.562	59.800	10.000			
-	Chương Mỹ						687,3km GTNT, 875,9km kênh mương		633.916	60.800	100.000			
-	Đan Phượng						51,4km GTNT, 53,6km kênh mương		43.826	11.000	32.000			
-	Đông Anh						88,5km GTNT		47.790	9.100	37.900			
-	Gia Lâm						121,1km GTNT, 220,4km kênh mương		131.502	23.400	50.000			

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí giải ngân từ KC đến hết 2016	Kế hoạch vốn năm 2017	CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
-	Hoài Đức						129,7km GTNT, 311,8km kênh mương		163.586	44.000	56.000			
-	Mê Linh						113,0km GTNT, 148,8km kênh mương		105.633	48.700	30.000			
-	Mỹ Đức						75,5km GTNT, 318,7km kênh mương		136.386	54.400	15.000			
-	Phù Xuyên						367,1km GTNT, 395,4km kênh mương		316.878	47.400	40.000			
-	Phúc Thọ						149,8km GTNT, 392,5km kênh mương		198.638	34.800	50.000			
-	Quốc Oai						496,0km GTNT, 647,4km kênh mương		462.061	29.000	70.000			
-	Sóc Sơn						489,9km GTNT, 519,8km kênh mương		420.487	39.600	70.000			
-	Thạch Thất						101,8km GTNT, 197,3km kênh mương		114.187	30.000	30.000			
-	Thanh Oai						231,9km GTNT, 152,3km kênh mương		170.897	45.900	20.000			
-	Thanh Trì						81,5km GTNT, 45,9km kênh mương		57.810	21.100	35.900			
-	Thường Tín						79,8km GTNT, 28,5km kênh mương		51.629	26.800	5.000			
-	Ứng Hòa						204,4km GTNT, 330,8km kênh mương		209.585	56.400	20.000			
3	Hỗ trợ các huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới: (30 tỉ đồng/ huyện)										60.000			
-	Gia Lâm						121,1km GTNT, 220,4km kênh mương		131.502		30.000			
-	Phúc Thọ						149,8km GTNT, 392,5km kênh mương		198.638		30.000			
4	Kế hoạch 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020			49					1.025.361	415.150	350.000	42		
4.1	Lĩnh vực y tế			1					8.600	4.000	3.000	1		
4.1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			1					8.600	4.000	3.000	1		
1	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Đông Xuân			1	Đông Xuân - Quốc Oai	2016-2020		2393/QĐ-UBND 15/10/2012	8.600	4.000	3.000	1	UBND huyện Quốc Oai	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí giải ngân từ KC đến hết 2016	Kế hoạch vốn năm 2017	CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4.2	Lĩnh vực thủy lợi			6					96.507	60.000	22.000	6		
4.2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			6					96.507	60.000	22.000	6		
1	Cải tạo, nâng cấp vai, mương xã Yên Bái			1	Yên Bái - Ba Vi	2016-2020		2019/QĐ-UBND 31/12/2013	8.738	5.000	2.000	1	UBND huyện Ba Vi	
2	Cải tạo, nâng cấp vai, mương xã Ba Trại			1	Ba Trại - Ba Vi	2016-2020		2020/QĐ-UBND 31/12/2013	12.084	8.000	3.000	1	UBND huyện Ba Vi	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh, vai đập xã Minh Quang			1	Minh Quang - Ba Vi	2016-2020		2021/QĐ-UBND 31/12/2013	13.638	6.000	4.000	1	UBND huyện Ba Vi	
4	Xây dựng kênh tưới từ hồ Lụa đi Đồng Bướm, xã Yên Bình			1	Yên Bình - Thạch Thất	2016-2020		6568/QĐ-UBND 30/10/2013	8.163	5.000	1.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
5	Xây dựng, cải tạo hệ thống thủy lợi nội đồng xã Đông Xuân			1	Đông Xuân - Quốc Oai	2016-2020		3752/QĐ-UBND 30/10/2013	14.046	8.000	4.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
6	Kè chống sạt lở đe dọa vùng 700			1	An Phú - Mỹ Đức	2016-2020		1623/QĐ-UBND 18/8/2011; 1355/QĐ-UBND 21/7/2014	39.838	28.000	8.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
4.3	Lĩnh vực giao thông			34					731.459	238.650	270.000	27		
4.3.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			34					731.459	238.650	270.000	27		
1	Đường giao thông thôn Hợp Nhất, xã Ba Vi			1	Ba Vi - Ba Vi	2016-2020		1606/QĐ-UBND 08/11/2013	6.791	4.000	1.000	1	UBND huyện Ba Vi	
2	Đường giao thông thôn Hợp Sơn, xã Ba Vi			1	Ba Vi - Ba Vi	2016-2020		1607/QĐ-UBND 08/11/2013	14.999	5.000	6.000	1	UBND huyện Ba Vi	
3	Đường giao thông thôn Yên Sơn, xã Ba Vi			1	Ba Vi - Ba Vi	2016-2020		1608/QĐ-UBND 08/11/2013	18.285	10.000	6.000	1	UBND huyện Ba Vi	
4	Đường Minh Quang-Ba Trại			1	Minh Quang - Ba Trại	2016-2020		379/QĐ-UBND 24/4/2013	44.244	12.000	11.000		UBND huyện Ba Vi	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Vân Hòa - Yên Bái			1	Vân Hòa, Yên Bái	2016-2020		600/QĐ-UBND 19/6/2014	48.926	10.600	15.000		UBND huyện Ba Vi	
6	Đường trục giao thông thôn Bận, xã Vân Hoà			1	Vân Hòa - Ba Vi	2016-2020		1617/QĐ-UBND 08/11/2013	22.596	6.000	14.000	1	UBND huyện Ba Vi	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí giải ngân từ KC đến hết 2016	Kế hoạch vốn năm 2017	CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Đường trục giao thông thôn Muồng Phú Vàng, xã Văn Hoà			1	Văn Hoà - Ba Vi	2016-2020		1618/QĐ-UBND 08/11/2013	29.459	6.000	10.000		UBND huyện Ba Vi	
8	Đường trục giao thông xã Yên Bài			1	Yên Bài - Ba Vi	2016-2020		1411/QĐ-UBND 24/10/2013	19.173	3.000	14.000	1	UBND huyện Ba Vi	
9	Đường Hương Canh đi xóm Bóp, xã Khánh Thượng			1	Khánh Thượng - Ba Vi	2016-2020		1111/QĐ-UBND 24/10/2011	14.091	8.000	4.000	1	UBND huyện Ba Vi	
10	Đường trục thôn Phú Yên, xã Yên Bài			1	Yên Bài - Ba Vi	2016-2020		2031/QĐ-UBND 31/12/2013	41.716	4.000	15.000		UBND huyện Ba Vi	
11	Đường trục các thôn: 5, 6, 7, 8, xã Ba Trại			1	Ba Trại - Ba Vi	2016-2020		2025/QĐ-UBND 31/12/2013	44.900	6.000	18.000		UBND huyện Ba Vi	
12	Đường giao thông Ba Trại - Cẩm Lĩnh			1	Ba Trại - Ba Vi	2016-2020		136/QĐ-UBND 20/02/2014	40.391	6.000	15.000		UBND huyện Ba Vi	
13	Đường giao thông liên thôn Minh Hồng - Đầm Sắn - Vòng - Góc Vải, xã Minh Quang			1	Minh Quang - Ba Vi	2016-2020		1200/QĐ -UBND 27/10/2011	29.988	18.300	8.000	1	UBND huyện Ba Vi	
14	Đường trục các thôn: 1, 2, 9, xã Ba Trại			1	Ba Trại - Ba Vi	2016-2020		2024/QĐ-UBND 31/12/2013	14.997	750	8.000	1	UBND huyện Ba Vi	Cắt giảm quy mô
15	Đường liên thôn Quê Vải đi Cổ Đụng			1	Tiến Xuân - Thạch Thất	2016-2020		6940/QĐ-UBND 31/10/2013	5.154	3.000	1.500	1	UBND huyện Thạch Thất	
16	Đường GTNT từ Cổ Đụng 1 đến Cổ Đụng 2			1	Tiến Xuân - Thạch Thất	2016-2020		6944/QĐ-UBND 31/10/2013	6.992	3.000	2.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
17	Đường GTNT từ Trại Mới đến Nhòn, xã Tiến Xuân			1	Tiến Xuân - Thạch Thất	2016-2020		6943/QĐ-UBND 31/10/2013	7.687	5.000	1.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
18	Cải tạo trục đường GTNT từ Gò Chối đến Đồng Cao, xã Tiến Xuân			1	Tiến Xuân - Thạch Thất	2016-2020		6957/QĐ-UBND 31/10/2013	6.677	4.000	1.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
19	Cải tạo trục đường GTNT từ Gò Chè đi Bình Sơn, xã Tiến Xuân			1	Tiến Xuân - Thạch Thất	2016-2020		6956/QĐ-UBND 31/10/2013	10.608	5.000	3.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
20	Đường giao thông xã Phú Mãn nối đường Hồ Chí Minh			1	Xã Phú Mãn - Quốc Oai	2016-2020		3689/QĐ-UBND 21/10/2013	36.801	25.000	8.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
21	Đường trục xã Phú Mãn			1	Phú Mãn - Quốc Oai	2016-2020		3742/QĐ-UBND 29/10/2013	14.504	6.000	6.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
22	Đường giao thông thôn Đồng Âm, xã Phú Mãn			1	Phú Mãn - Quốc Oai	2016-2020		3746/QĐ-UBND 29/10/2013	13.996	5.000	6.000	1	UBND huyện Quốc Oai	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí giải ngân từ KC đến hết 2016	Kế hoạch vốn năm 2017	CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
23	Đường giao thông liên thôn xã Đông Xuân			1	Đông Xuân - Quốc Oai	2016-2020		8437/QĐ-UBND 28/10/2011; 8614/QĐ-UBND 16/5/2012;	9.980	5.000	3.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
24	Đường giao thông thôn Đá Thâm, xã Đông Xuân			1	Đông Xuân - Quốc Oai	2016-2020		3710/QĐ-UBND 24/10/2013	13.934	5.000	6.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
25	Đường giao thông thôn Đồng Âm, xã Đông Xuân			1	Đông Xuân - Quốc Oai	2016-2020		3754/QĐ-UBND 30/10/2013	14.865	7.000	6.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
26	Đường giao thông thôn Đồng Bền, xã Đông Xuân			1	Đông Xuân - Quốc Oai	2016-2020		3758/QĐ-UBND 31/10/2013	14.891	5.000	8.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
27	Đường giao thông thôn Cổ Rùa, xã Phú Mãn			1	Phú Mãn - Quốc Oai	2016-2020		1845/QĐ-UBND 29/10/2013	14.301	7.000	5.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
28	Đường giao thôn Đồng Võ, xã Phú Mãn			1	Phú Mãn - Quốc Oai	2016-2020		3761/QĐ-UBND 31/10/2013	9.000	4.000	4.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
29	Đường giao thông nông thôn xã Trần Phú			1	Trần Phú - Chương Mỹ	2016-2020		6299/QĐ-UBND 25/7/2014	7.129	1.000	6.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
30	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã An Phú			1	An Phú - Mỹ Đức	2016-2020		2134/QĐ-UBND 24/10/2013	14.707	6.000	6.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
31	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã An Phú kết hợp kẻ mương thoát lũ			1	An Phú - Mỹ Đức	2016-2020		1139/QĐ-UBND 24/6/2014	39.860	15.000	18.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
32	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã An Phú đoạn từ cầu Ai Nang đi cầu Bãi Giữa			1	An Phú - Mỹ Đức	2016-2020		1140/QĐ-UBND 24/6/2014	35.175	15.000	15.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
33	Đường giao thông từ xã An Phú đi thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức (GĐ 1 từ cầu Bãi Giữa đến đường trục thôn Thọ)			1	An Phú - Mỹ Đức	2016-2020		2147/QĐ-UBND 10/10/2014	49.981	12.000	11.000		UBND huyện Mỹ Đức	Cắt giảm quy mô
34	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã An Phú (thôn Đồng Văn)			1	An Phú - Mỹ Đức	2016-2020		1781/QĐ-UBND 17/9/2015	14.661	1.000	8.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Cắt giảm quy mô
4.4	Lĩnh vực giáo dục			8					188.795	112.500	55.000	8		
4.4.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			8					188.795	112.500	55.000	8		

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí giải ngân từ KC đến hết 2016	Kế hoạch vốn năm 2017	CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Trường mầm non Ba Trại			1	Ba Trại - Ba Vi	2016-2020		1356/QĐ-UBND 23/10/2013; 1405/QĐ-UBND 31/10/2014; 1431/QĐ-UBND 03/11/2014	22.017	14.000	6.000	1	UBND huyện Ba Vi	
1	Trường mầm non Tân Lĩnh A			1	Tân Lĩnh - Ba Vi	2016-2020		1374/QĐ-UBND 23/10/2013; 1404 /QĐ-UBND 31/10/2014; 1426/QĐ-UBND 03/11/2014	23.534	14.500	5.000	1	UBND huyện Ba Vi	
2	Trường tiểu học Bò và Đồng Cỏ			1	Tân Lĩnh - Ba Vi	2016-2020		809/QĐ-UBND 20/08/2012; 1395/QĐ-UBND 23/12/2013; 1410/QĐ-UBND 31/10/2014; 1494/QĐ-UBND 03/11/2014	22.545	10.000	10.000	1	UBND huyện Ba Vi	
3	Trường mầm non Vân Hoà			1	Vân Hoà - Ba Vi	2016-2020		1375/QĐ-UBND 23/10/2013; 1293/QĐ-UBND 24/10/2014; 1478/QĐ-UBND 03/11/2014	29.877	17.000	9.000	1	UBND huyện Ba Vi	
4	Trường tiểu học Vân Hoà			1	Vân Hoà - Ba Vi	2016-2020		1336/QĐ-UBND 23/10/2013; 1408/QĐ-UBND 31/10/2014; 1477/QĐ-UBND 03/11/2014	22.551	14.000	6.000	1	UBND huyện Ba Vi	
5	Trường mầm non Yên Bái A (khu trung tâm Đồng Hưu)			1	Yên Bái - Ba Vi	2016-2020		1621/QĐ-UBND 08/11/2013; 1402/QĐ-UBND 31/10/2014	25.106	16.000	7.000	1	UBND huyện Ba Vi	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí giải ngân từ KC đến hết 2016	Kế hoạch vốn năm 2017	CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	Trường THCS Yên Bái A			1	Yên Bái - Ba Vi	2016-2020		1345/QĐ-UBND 23/10/2013; 1411/QĐ-UBND 31/10/2014; 1492/QĐ-UBND 03/11/2014	21.945	13.500	6.000	1	UBND huyện Ba Vi	
7	Trường THCS Yên Bái B			1	Yên Bái - Ba Vi	2016-2020		1346/QĐ-UBND 23/10/2013; 1412/QĐ-UBND 31/10/2014; 1493/QĐ-UBND 03/11/2014	21.220	13.500	6.000	1	UBND huyện Ba Vi	
II	CTMTTP nhằm giảm thiểu ùn tắc và đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020		1	1					281.526	12.050	192.950	1		
	Dự án khởi công năm 2016		1	1					281.526	12.050	192.950	1		
1	Nút giao Phạm Ngọc Thạch - Chùa Bộc		1		Đống Đa	2016-	9,0x277m	1172/QĐ-UBND 26/02/2014	230.431	50	164.950		Sở GTVT	Công trình trọng điểm 2016-2020; Gộp vào 02 dự án cải tạo dưới đất
2	Xây dựng cầu Mọc			1	Thanh Xuân	2016-2017	20mx42,5m	2067/QĐ-SGTVT 17/10/2013; 1142/QĐ-SGTVT 21/8/2014	51.095	12.000	28.000	1	Sở GTVT	Dự phòng, chi khác giảm 5 tỷ đồng.

BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2017 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QB	TMDT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG SỐ	127	14	84	29					112.444.436	14.849.809	16.543.424	23.549.313	12.025.003	9.421.881	39.050	2.564.072	72		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	74	13	57	4					103.595.872	12.327.602	16.429.349	21.205.138	9.323.803	6.722.681	39.050	2.562.072	43		
II	Dự án mới khởi công năm 2016	53	1	27	25					8.848.564	2.522.207	114.075	2.344.175	2.551.200	2.549.200		2.000	36		
III	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư													150.000	150.000					
	KHÔI HA TĂNG ĐỘ THI	40	3	22	8					17.580.397	9.472.212	5.476.493	8.306.809	4.254.769	4.254.769			19		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	22	2	19	1					11.932.624	7.309.533	5.447.140	6.705.656	2.675.769	2.675.769			9		
II	Dự án mới khởi công năm 2016	18	1	10	7					5.647.773	2.162.679	29.353	1.601.153	1.579.000	1.579.000			10		
A	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	36	2	26	8					14.400.149	7.659.422	3.770.912	6.378.278	3.839.769	3.839.769			18		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	18	1	16	1					8.752.376	5.496.743	3.741.560	4.777.126	2.260.769	2.260.769			8		
*	Các đường Vành đai																			
1	Xây dựng đường VD2, đoạn Ngã Tư Sở - Ngã Tư Vọng	1	1			Đống Đa	2011-2017	2,3kmx50m	4454/QĐ-UBND 23/9/2011	2.560.353	2.022.598	1.062.887	1.339.887	850.000	850.000			BQL các dự án trọng điểm PTĐT Hà Nội	Công trình trọng điểm 2011-2015	
*	Các đường hướng tâm; trục chính đô thị																			
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang tuyến đường Quốc lộ 6, đoạn km 19+920 đến km 22+220, qua địa phận thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ	1		1		Chương Mỹ	2012-2017	Bn=56m, L=2,3 Km	5757/QĐ-UBND 12/12/2011	700.982	338.482	195.134	345.800	150.000	150.000			UBND huyện Chương Mỹ	Thông báo số 213-TB/TU ngày 14/6/2016 của Thành ủy Dự kiến TMDT điều chỉnh thành 700,9 tỷ đồng do tăng chi phí GPMB; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 1295/BC-KHĐT ngày 20/10/2016 Phán đấu hoàn thành công trình năm 2017; năm 2018 bố trí vốn thanh toán khối lượng thực hiện	
3	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km185 - 189), huyện Thanh Trì	1		1		Thanh Trì	2011-2018	3.814mx19m	3553/QĐ-UBND 19/7/2010	887.755	507.873	118.267	223.267	300.000	300.000			Sở Giao thông vận tải	Thông báo số 363-TB/TU ngày 25/8/2016 của Thành ủy	
*	Đường đô thị; tỉnh lộ																			
4	Xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây	1		1		Tây Hồ, Ba Đình	2007-2018	230mx50m	417/QĐ-UBND 29/01/2007 801/QĐ-UBND 10/02/2010	682.000	574.712	476.146	485.846	95.000	95.000			Sở Giao thông vận tải	Công trình còn vướng 81 hộ dân tập thể Bộ tư lệnh công binh. UBND quận Tây hồ thực hiện GPMB (Thông báo số 131/TB-UBND ngày 19/5/2016) Phán đấu hoàn thành công trình năm 2017; Năm 2018 bố trí vốn thanh toán khối lượng đã thực hiện	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
5	Xây dựng đường Cát Linh - La Thành - Yên Lãng (đoạn La Thành - Thái Hà - Láng)	1		1		Đông Đa	2002-2016	1890m	7601/QĐ-UBND 11/12/2001 1596/QĐ-UBND 28/10/2008 1188/QĐ-UBND 16/3/2012	441.834	254.717	392.422	396.422	20.468	20.468				Sở Giao thông vận tải	Công trình cơ bản hoàn thành. Năm 2016 bố trí 04 tỷ đồng theo đề nghị của Chủ đầu tư tại Văn bản số 3522/SGTVT-KH&ĐT ngày 12/11/2015. Năm 2017 bố trí vốn để thanh toán các khối lượng đã thực hiện, chưa giải ngân
6	Xây dựng tuyến phố Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ phố Tô Hiến Thành đến phố Đại Cồ Việt)	1		1		Hai Bà Trưng	2013-2017	592,28mx17m	5628/QĐ-UBND 01/12/2011; 3842/QĐ-UBND 11/08/2015	197.385	150.436	1.494	97.194	85.000	85.000			1	Sở Xây dựng	
7	Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 5 vào Khu công nghiệp HAPRO	1		1		Gia Lâm	2007-2017	6217mx(7-23-45)m	1312/QĐ-UBND 10/4/2007	207.636	98.153	141.229	172.229	109.000	109.000			1	Sở Giao thông vận tải	Sở GTVT đang trình d/c TMDT thành 300,189 tỷ đồng; tiếp tục thi công từ NSTP ứng (Văn bản số 5359/UBND-XDGT ngày 04/8/2015; thanh toán từ nguồn vốn BOT của Bộ GTVT)
8	Xây dựng Đường Dốc Hội - Đại học Nông Nghiệp I	1		1		Gia Lâm	2009-2016	3.070 mx(17-30m)	4599/QĐ-UBND 16/10/2012	383.000	273.821	326.614	341.614	30.000	30.000			1	UBND huyện Gia Lâm	Chủ đầu tư đang trình điều chỉnh TMDT (383 tỷ đồng).
9	Xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 23B - Giai đoạn I (Hà Nội - nghĩa trang Thanh Tước)	1		1		Đông Anh, Mê Linh	2009-2016	12,48km; 1,73kmx 50m (GĐI:18m);ML:1 0,75kmx12m	1500/QĐ-UBND 01/4/2009; 5997/QĐ-UBND 27/12/2011	296.737	150.035	173.066	177.366	10.000	10.000				Sở Giao thông vận tải	Công trình đã cơ Bản hoàn thành đoạn Đông Anh và quyết toán (chủ đầu tư dự kiến không mở rộng vỉa hè đoạn qua huyện Mê Linh, GPMB giảm 95 tỷ đồng).
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Tùng Thiện, Km 2+700,2 đến Km 4+700,2 Quốc lộ 21A, Thị xã Sơn Tây	1		1		Sơn Tây	2012-2016	2 Km x35m	5252/QĐ-UBND 22/10/2010	247.000	126.398	156.080	201.080	15.000	15.000				UBND thị xã Sơn Tây	Thay đổi phương án, không hạ ngầm các đường dây; tổng dự toán giảm 35 tỷ đồng. Công trình đã cơ bản hoàn thành Năm 2017 bố trí vốn thanh toán khối lượng đã thực hiện
11	Xây dựng công trình đường trục phát triển thị xã Sơn Tây, lý trình Km13+740,6 đến Km14+704	1			1	Sơn Tây	2013-2017	963,6mx40m	1481/QĐ-UBND 24/8/2006; 171/QĐ-UBND 09/01/2012	122.693	56.624	73.901	76.101	42.000	42.000			1	Sở Giao thông vận tải	Dự án vương GPMB; năm 2016 tập trung bố trí vốn để GPMB Năm 2017 tập trung bố trí vốn để thi công xây lắp
12	Cải tạo, nâng cấp đường 35 huyện Mê Linh từ Đại Thịnh đến Quang Minh (Giai đoạn I: Giải phóng mặt bằng và xây dựng đường giao thông)	1		1		Mê Linh	2009-2017	6,128kmx(24-36)m	184/QĐ-CT 22/01/2007 6070/QĐ-UBND 27/12/2011	296.436	158.102	146.921	203.921	62.000	62.000			1	UBND huyện Mê Linh	Kiến nghị của Huyện ủy Mê Linh tại buổi làm việc với Bí thư Thành ủy Kinh phí GPMB giảm
13	Xây dựng đường trục chính Bắc - Nam, đô thị Quốc Oai	1		1		Quốc Oai	2008-2018	14 Km, C3	1926/QĐ-UBND 23/10/2007; 5446/QĐ-UBND 2/11/2010; 7153/QĐ-UBND 25/12/2015	544.100	176.818	242.617	292.617	77.301	77.301				UBND huyện Quốc Oai	
14	Cải tạo môi trường vệ sinh khu dân cư xung quanh nương thoát nước Thụy Khuê (đoạn từ dốc La Pho đến Cổng Đò)	1		1		Tây Hồ	2011-2018	Cổng hóa nương BTCT 2x3x3m; B = 9,5-11,5m; L=1.788m	574/QĐ-UBND 03/02/2009; 7079/QĐ-UBND 23/12/2015	421.764	199.995	22.023	121.023	120.000	120.000				UBND quận Tây Hồ	GPMB phức tạp, đã tồn tại nhiều năm
15	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn Vạn Bảo đến nút Núi Trúc), GĐ 2	1		1		Ba Đình	2004-2017	656,75m x3m	1096/QĐ-UB 02/3/2006;	301.002	237.145	45.359	55.359	100.000	100.000				Sở Giao thông vận tải	Dự án vương GPMB phức tạp, đã tồn tại nhiều năm. Dự án đang thực hiện thủ tục điều chỉnh TMDT từ 157,4 tỷ lên 301 tỷ đồng. Hiện nay Sở GTVT đang trình UBND TP phê duyệt điều chỉnh dự án

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QB	TMDT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
16	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 411C (đoạn Đồng Bàng - Yên Kỳ - Tòng Bạt)	1		1		Ba Vi	2012-2017	17,7ha; 5.925,1m	5345/QĐ-UBND 29/10/2010	208.363	93.759	107.224	127.224	77.000	77.000			1	UBND huyện Ba Vi	
17	Đường tránh QL 32 đoạn qua thị trấn Tây Đằng	1		1		Ba Vi	2011-2017	2055,71mx23m	5195/QĐ-UBND 21/10/2010	151.706	77.075	42.325	72.325	68.000	68.000			1	UBND huyện Ba Vi	
18	Xây dựng 1/2 cầu Đền Lừ và tuyến đường 2,5 đoạn phía bắc khu công nghiệp Vĩnh Tuy	1		1		Hoàng Mai	2016-2017	1/2 cầu: 30,2mx18m; Đường 2,5: 462,38mx40m	4889/QĐ-UBND 29/10/2012	101.630		17.850	47.850	50.000	50.000			1	UBND quận Hoàng Mai	Nâng cấp tuyến đường đã xuống cấp, dân cư đi lại đông đúc.
II	Dự án mới khởi công năm 2016	18	1	10	7					5.647.773	2.162.679	29.353	1.601.153	1.579.000	1.579.000			10		
*	Công trình cấp bách, chống ùn tắc giao thông, thực hiện ngay trong giai đoạn 2016-2017																			
1	Mở rộng đường Vành đai 3: đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long	1	1			Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm	2016-2018	5,5km, Bn=56-60m	103/QĐ-BGTVT 14/01/2010; 3099/QĐ-UBND 15/6/2016	3.113.000	1.800.000		950.000	773.000	773.000				Sở Giao thông vận tải	Công trình trọng điểm 2016-2020 Vốn dự phòng của dự án là 359 tỷ đồng
2	Cầu vượt ô Đông Mác - Nguyễn Khoái (giao giữa đường Vành đai 1 với đường Lỗ Đức, đường Kim Ngưu)	1		1		Hải Bà Trưng	2016-2017	12x232m	133/HĐND-KTNS 12/4/2016; 2606/QĐ-UBND 25/5/2016	168.100		80.000	80.000	80.000	80.000			1	Sở Giao thông vận tải	Công trình trọng điểm 2016-2020
3	Nút giao Cổ Linh (Giao giữa đường Cổ Linh và đường dẫn đầu cầu phía Bắc cầu Vĩnh Tuy)	1		1		Long Biên	2016-2017	12mx216m	135/HĐND-KTNS 12/4/2016; 4064/QĐ-UBND 26/7/2016	161.500		80.000	70.000	70.000	70.000			1	Sở Giao thông vận tải	Công trình trọng điểm 2016-2020
*	Các cầu yếu																			
4	Xây dựng cầu Đầm Mơ	1			1	Chương Mỹ	2016-2017	99mx8,5m (03 nhịp 33m)	1194/QĐ-GTVT 26/10/2011	68.437	9.519	1.608	11.608	30.000	30.000			1	Sở Giao thông vận tải	Năm 2012 chủ đầu tư đã phê duyệt dự toán 41,6 tỷ đồng. Đang phê duyệt điều chỉnh (dự kiến 32,5 tỷ đồng + GPMB 8 tỷ đồng)
5	Xây dựng cầu Bàu tại Km13+550 trên đường tỉnh 429 (ĐT 73 cũ), huyện Ứng Hòa	1			1	Ứng Hòa	2016-2017	03 nhịp 24m x 12m	974/QĐ-SGTVT 22/8/2012	39.734	862	1.150	19.550	10.000	10.000			1	Sở Giao thông vận tải	GPMB giảm 6 tỷ đồng theo phương án GPMB chi tiết
6	Xây dựng cầu Quảng Tái tại Km6+585 trên đường tỉnh 428 (đường 75 cũ), huyện Ứng Hòa	1			1	Ứng Hòa	2016-2017	01 nhịp 33mx12m	767/QĐ-SGTVT 16/7/2012	38.000	9.000	1.150	24.150	12.000	12.000			1	Sở Giao thông vận tải	
*	Đường đô thị, đường tỉnh lộ																			
7	Xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của ra đường Trường Chinh	1		1		Đống Đa	2016-2017	B=13,5m; L=364,84m	2248/QĐ-UBND 15/4/2004 5781/QĐ-UBND 13/12/2011	85.628	55.895	505	905	40.000	40.000				Sở Giao thông vận tải	Kiến nghị của Quận ủy Đống Đa tại buổi làm việc với Bí thư Thành ủy Đầu tư kết nối đồng bộ với dự án "Đường Phương Mai - sông Lừ"
8	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 (Km0+600 đến Km4+482), huyện Thạch Thất	1		1		Thạch Thất	2016-2017	3,8km	4435/QĐ-UBND 30/9/2011	110.231	30.819	985	50.985	50.000	50.000			1	UBND huyện Thạch Thất	Hoàn thiện đồng bộ trục tuyến đường tỉnh lộ 419 đang được đầu tư kết nối 08 Huyện.

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QB	TMBT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
9	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 đoạn từ Km62+050 đến Km68+707 (từ Bệnh viện huyện đến xã Dốc Tin, Km1+685 đến Km8+342 theo lý trình cũ)	1		1		Mỹ Đức	2016-2017	6.657mx18,5m	5697/QĐ-UBND 07/12/2012	241.898	5.760	778	100.778	60.000	60.000			1	UBND huyện Mỹ Đức	Hoàn thiện đồng bộ trục tuyến đường tỉnh lộ 419 đang được đầu tư kết nối 08 Huyện
10	Xây dựng tuyến đường nối từ Trường Đại học Mỏ - Địa chất vào Khu công nghiệp Nam Thăng Long	1			1	Bắc Từ Liêm	2016-2017	1.004,4mx30m; 30.354,08m2	460/QĐ-UBND 26/01/2011	196.313	81.959	2.345	11.345	80.000	80.000				Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất HN	Kết nối hạ tầng khung giao thông, Tạo tuyến đường vào Khu Công nghiệp Nam Thăng Long
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 411, km 0+00-km 7+640, đoạn qua địa phận huyện Ba Vì	1		1		Ba Vì	2016-2017	Bn= 12m, L=7,6 Km	6432/QĐ-UBND 25/10/2013	214.009	53.358	2.211	32.211	70.000	70.000				UBND huyện Ba Vì	Nâng cấp tuyến đường đã xuống cấp, dân cư đi lại đồng đúc
12	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421 đoạn qua địa phận huyện Phúc Thọ	1		1		Phúc Thọ	2016-2017	5,98kmx9m	4950/QĐ-UBND 16/8/2013	178.054	3.274	850	65.850	60.000	60.000				UBND huyện Phúc Thọ	Nâng cấp tuyến đường đã xuống cấp, dân cư đi lại đồng đúc.
13	Nâng cấp, cải tạo xây dựng tuyến đường tỉnh lộ 419, đoạn Km 44+00 đến Km 60+00, huyện Mỹ Đức	1		1		Mỹ Đức	2016-2018	13,42kmx(12-18)m	4010/QĐ-UBND 11/9/2012	527.263	48.858	2.760	52.760	100.000	100.000				UBND huyện Mỹ Đức	Hoàn thiện đồng bộ trục tuyến đường tỉnh lộ 419 đang được đầu tư kết nối 08 Huyện. (DP:112,85 tỷ đồng)
14	Cải tạo, chỉnh trang đường nối từ Quốc lộ 21B (ngã ba Thạch Bích) đi huyện Chương Mỹ, huyện Thanh Oai	1			1	Thanh Oai	2016-2017	2,6kmx7,5-10m	367/QĐ-KH&ĐT 25/10/2013	44.446	2.000	2.545	17.545	20.000	20.000			1	UBND huyện Thanh Oai	Nâng cấp tuyến đường đã xuống cấp, dân cư đi lại đồng đúc
15	Chỉnh trang cải tạo lắp đặt hệ thống chiếu sáng tuyến đường 429 qua khu tưởng niệm Hồ Chủ tịch, xã Nghiêm Xuân; đường tỉnh lộ 427 qua địa phận Văn Phú - Hiền Giang, huyện Thường Tín	1			1	Thường Tín	2016-2017	- Chiều sáng 429: 2,1km - Đoạn 427: cải tạo 1,4km, chiếu sáng 3,2km	358/QĐ-KH&ĐT 23/10/2013	27.823		2.245	27.245	15.000	15.000			1	UBND huyện Thường Tín	UBND đã có chủ trương bổ sung thêm một đoạn tuyến để khớp nối đồng bộ HTKT, dự kiến TMBT tăng thêm 17 tỷ đồng
16	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421A và 421B đoạn qua địa phận huyện Quốc Oai (Đoạn từ cầu vượt Sài Sơn đi chùa Thầy đến đường 421A giáp ranh huyện Phúc Thọ)	1		1		Quốc Oai	2016-2017	TL421A: B=5,5-10m; TL421B: 6,5-10,5m, cọc TC28-hết: 12m	4970/QĐ-UBND 31/10/2012	226.707	52.844	1.490	31.490	40.000	40.000				UBND huyện Quốc Oai	Nâng cấp tuyến đường đã xuống cấp, dân cư đi lại đồng đúc. Dự phóng 20,37 tỷ đồng Số GTVT đang thẩm định điều chỉnh tăng TMBT từ 81,7 tỷ lên 226,7 tỷ đồng.
17	Cầu Mỹ Hòa (cầu Bột Xuyên), vượt Sông Đáy - qua địa bàn huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa	1		1		Ứng Hòa, Mỹ Đức	2016-2019	356x12m	43051/QĐ-UBND 15/7/2013	191.630	8.531	8.531	38.531	60.000	60.000				Sở Giao thông vận tải	Nối 2 huyện Ứng Hòa và Mỹ Đức (tỉnh lộ 429, qua cầu nối vào DA tuyến đường ngang đê đáy - tỉnh lộ 419 huyện đang dự kiến đầu tư từ năm 2017.
18	Cải tạo, nâng cấp đoạn đường giao thông 179 từ đốc đá Văn Giang đến bến phà Văn Đức, huyện Gia Lâm	1			1	Gia Lâm	2016-2018	Chiều dài tuyến 2,588,92m, mặt đường BTXM B=6m	372/QĐ-UBND 18/11/2014	15.000		200	6.200	9.000	9.000			1	UBND huyện Gia Lâm	Thông báo số 373-TB/TU ngày 14/9/2016 của Thành ủy Tổng dự toán phê duyệt 13,8 tỷ đồng
B	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG, HTKT	4	1	3						3.180.248	1.812.790	1.705.581	1.928.531	415.000	415.000			1		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	4	1	3						3.180.248	1.812.790	1.705.581	1.928.531	415.000	415.000			1		
*	Môi trường, rác thải																			
1	Khu LHLCT Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà nội	1		1		Sóc Sơn	2012-2016	73,73ha	4910/QĐ-UBND 24/10/2011; 5633/QĐ-UBND 10/10/2016	1.438.430	998.765	621.403	691.403	240.000	240.000				Sở Xây dựng	Công trình trọng điểm 2016-2020

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
2	Dự án xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại xã Sơn Đông, huyện Hoài Đức	1		1		Hoài Đức	2014-2017	8000m3/ngđ	5118/QĐ-UBND 26/8/2013	231.500	45.200	50.000	102.950	80.000	80.000				Sở Tài nguyên và Môi trường	
*	Chiều sáng, HTKT khác																			
3	Hạ tầng kỹ thuật xung quanh Hồ Tây	1	1			Tây Hồ	2002-2017	18km	1209/QĐ-TTg 04/12/2000 5062/QĐ-UBND 16/8/2004 5471/QĐ-UBND 23/10/2014	1.253.183	571.567	999.937	1.019.937	15.000	15.000			1	Ban QLDA XD HTKT xung quanh Hồ Tây	Năm 2017 bố trí vốn để giải quyết hoàn thành các hạng mục đã thi công. UBND TP chỉ đạo dừng triển khai để nghiên cứu tổng thể khu vực hồ Tây tại Thông báo số 250/TB-UBND ngày 22/7/2016. Phòng đã đưa ra khỏi danh mục kế hoạch 2017-2020. Số Xây dựng đang nghiên cứu tổng thể theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND TP
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật hồ Linh Quang	1		1		Đống Đa	2009-2017	4,95ha	4563/QĐ-UBND 20/7/2004	257.135	197.258	34.241	114.241	80.000	80.000				Sở Xây dựng	
	KHÓI ODA	2	5	2	2					72.060.616	3.121.027	4.554.504	5.681.738	3.666.272	1.102.200		2.564.072	3		
	Vốn ODA									59.448.091		3.201.325	3.869.675	2.564.072			2.564.072			
	Vốn trong nước									12.612.525	3.121.027	1.353.179	1.812.063	1.102.200	1.102.200					
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	7	5	2						71.855.443	3.121.027	4.554.504	5.680.638	3.662.772	1.100.700		2.562.072	3		
II	Dự án mới khởi công năm 2016	2			2					205.173			1.100	3.500	1.500		2.000			
A	LĨNH VỰC HẠ TẦNG GTĐT	5	3		2					53.967.073	2.286.000	3.269.017	4.042.817	2.451.000	599.000		1.852.000			
	Vốn ODA									44.636.700		2.466.548	2.982.548	1.852.000			1.852.000			
	Vốn trong nước									9.330.373	2.286.000	802.469	1.060.269	599.000	599.000					
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	3	3							53.761.900	2.286.000	3.269.017	4.041.717	2.447.500	597.500		1.850.000			
	Vốn ODA									44.449.800		2.466.548	2.981.548	1.850.000			1.850.000			
	Vốn trong nước									9.312.100	2.286.000	802.469	1.060.169	597.500	597.500					
1	Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhãn - Ga Hà Nội	1	1			Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2008-2020	12,5km (trên cao 8,5km, đi ngầm 4km)	1970/QĐ-UBND 27/4/2009; 5456/QĐ-UBND 02/11/2010; 4007/QĐ-UBND 28/6/2013	32.910.000	974.000	2.509.021	3.243.021	2.016.000	416.000		1.600.000		Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Công trình trọng điểm 2016-2020; Theo tiến độ HĐ dự án hoàn thành 2018; Giá trị phân bổ đã tính trên cơ sở 1 số gói thầu đã kí HĐ và dự toán.
	Vốn ODA								Tr.đó vay lại 746 tr.USD/938 tr.USD	26.804.500		1.924.945	2.424.945	1.600.000			1.600.000			Nhu cầu vốn ODA năm 2016 là 1.500 tỉ đồng; năm 2017 là 2.150 tỉ đồng
	Vốn trong nước									6.105.500	974.000	584.076	818.076	416.000	416.000					

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QB	TMDT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
2	Dự án Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội	1	1			Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2014-2020	Cải tạo và XD hệ thống tiếp cận của 12 ga tuyến 3; XD 02 điểm trung chuyển; thí điểm sử dụng bus thân thiện MT	3921/QĐ-UBND 23/7/2014	1.296.900		7.000	15.000	69.500	19.500		50.000		Sở Giao thông vận tải	Đang điều chỉnh tiến độ dự án và KHLCNT cho phù hợp với tiến độ của dự án Tuyến ĐSĐT Hà Nội đoạn Nhổn - Ga Hà Nội
	Vốn ODA							1USD=22.000VND	Tr.đó vay lại 16,153 tr.USD/53,15 tr.USD	1.169.300			5.000	50.000			50.000			
	Vốn trong nước									127.600		7.000	10.000	19.500	19.500					
3	Dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1	1			Từ Liêm, Tây Hồ, Cầu Giấy, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng	2009-2022 (dự kiến)	11,5km (8,5km ngầm và 3km trên cao)	2054/QĐ-UBND 13/11/2008	19.555.000	1.312.000	752.996	783.696	362.000	162.000		200.000		Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Công trình trọng điểm 2016-2020 Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2020
	Vốn ODA							1VND=0,00385 Yên tại thời điểm trình thẩm định (tỉ giá đồng Yên biến động theo từng đợt giải ngân)	Tr.Đó vay lại 250 triệu/1,3 tỷ USD (Theo TMDT cũ và cơ chế cũ CP đã phê duyệt)	16.476.000		541.603	551.603	200.000			200.000			- Chính phủ đang xem xét đề xuất của Thành phố Hà Nội với phê duyệt dự án điều chỉnh và tiếp tục thực hiện dự án
	Vốn trong nước								GPMB cũ 1.312 tỷ đồng; DP:529 tỷ	3.079.000	1.312.000	211.393	232.093	162.000	162.000					
II	Dự án mới khởi công năm 2016	2			2					205.173			1.100	3.500	1.500		2.000			
	Vốn ODA									186.900			1.000	2.000			2.000			
	Vốn trong nước									18.273			100	1.500	1.500					
1	Hỗ trợ phát triển hệ thống thẻ vé liên thông cho VTCC Hà Nội	1			1	Hà Nội	2016-2018		2347/QĐ-UBND 16/5/2016	68.253			100	1.500	1.500				Sở Giao thông vận tải	
	Vốn ODA								350 triệu Yên Nhật	65.100										Vốn ODA giải ngân trực tiếp cho TV Nhật
	Vốn trong nước									3.153			100	1.500	1.500					
2	Hỗ trợ chủ đầu tư quản lý dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội	1			1	Hà Nội	2015-2018		5141/QĐ-UBND 09/10/2015	136.920			1.000	2.000			2.000		Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Chủ tịch nước đã phê duyệt HĐ, chuẩn bị ký trong tháng 12/2016
	Vốn ODA								1USD=21.000	121.800			1.000	2.000			2.000			
	Vốn trong nước									15.120										Vốn đối ứng là nguồn sự nghiệp

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/dã giải ngân đến hết năm 2015	Lũy kế số vốn đã bố trí/dã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
B	LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC - MÔI TRƯỜNG	3	2	1						17.666.819	816.900	1.021.134	1.337.168	1.157.272	475.200		682.072	2		
	Vốn ODA									14.680.051		697.777	839.127	682.072			682.072			
	Vốn trong nước									2.986.768	816.900	323.357	498.041	475.200	475.200					
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	3	2	1						17.666.819	816.900	1.021.134	1.337.168	1.157.272	475.200		682.072	2		
	Vốn ODA									14.680.051		697.777	839.127	682.072			682.072			
	Vốn trong nước									2.986.768	816.900	323.357	498.041	475.200	475.200					
1	Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng, vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) của TP Hà Nội	1	1			Ba Vì, Phúc Thọ, Mỹ Đức, Thanh Oai, Thường Tín, Chương Mỹ, Mê Linh	2013-2017	23.950m3/ ngày đêm (7 công trình cấp nước tập trung)	Cụ thể theo các QĐ của dự án đã phê duyệt 06/07 dự án và 01 dự án theo quyết định phê duyệt chuẩn bị đầu tư	754.592	17.298	216.131	304.981	122.495	4.200		118.295	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	TMĐT bao gồm vốn XDCB và SNKT. Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm phân bổ kinh phí để các đơn vị triển khai thực hiện theo quy định
	Vốn ODA								QĐ số 2283/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/9/2012 của Bộ NNPTNT; tr. đó vay lại 8,919 tr. USD/30,577 tr. USD vốn ODA	670.175		205.520	291.870	118.295			118.295			
	Vốn trong nước								Bao gồm 10% /tổng vốn ODA và 67.119 tr. đồng)	84.417	17.298	10.611	13.111	4.200	4.200					- Chưa tính phần đối ứng do dân đóng góp 10% trong KH 5 năm
2	Dự án xây dựng và cải tạo 3 trạm bơm thoát nước Cổ Nhuế, Đồng Bông 1 và Đồng Bông 2 khu vực phía Tây Hà Nội	1		1		Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm	2012-2017	12m3/giây; 8m3/giây và 9m3/giây	4956/QĐ-UBND 26/10/2011	618.783	39.602	432.442	506.626	21.000	21.000			1	Công ty TNHH MTV Thoát nước HN	
	Vốn ODA								9,94 tr. Euro	300.834		252.194	257.194							
	Vốn trong nước									317.949	39.602	180.248	249.432	21.000	21.000					
3	Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Yên Xá Thành phố Hà Nội	1	1			Thanh Trì	2013-2021	270.000m3/ ngày đêm	7051/QĐ-UBND 20/11/2013	16.293.444	760.000	372.561	525.561	1.013.777	450.000		563.777		Sở Xây dựng	Công trình trọng điểm 2016-2020 Năm 2016 tập trung cho công tác GPMB. Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2020 theo Hiệp định
	Vốn ODA									13.709.042		240.063	290.063	563.777			563.777			
	Vốn trong nước									2.584.402	760.000	132.498	235.498	450.000	450.000					
C	LĨNH VỰC Y TẾ, GD-ĐT, CNTT, KHÁC	1		1						426.724	18.127	264.353	301.753	58.000	28.000		30.000	1		
	Vốn ODA									131.340		37.000	48.000	30.000			30.000			
	Vốn trong nước									295.384	18.127	227.353	253.753	28.000	28.000					

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1		1						426.724	18.127	264.353	301.753	58.000	28.000		30.000	I		
	Vốn ODA								6 triệu USD	131.340		37.000	48.000	30.000			30.000			
	Vốn trong nước								DP:3262,4 tr VND	295.384	18.127	227.353	253.753	28.000	28.000					
I	Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc TP Hà Nội	1		1		Đông Anh	2008-2017	7,4ha	718/QĐ-UBND 12/9/2008; 2093/QĐ-UBND 28/4/2016	426.724	18.127	264.353	301.753	58.000	28.000		30.000	1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Dự án hoàn thành QII/2017
	Vốn ODA								6 triệu USD	131.340		37.000	48.000	30.000			30.000			
	Vốn trong nước								DP:3262,4 tr VND	295.384	18.127	227.353	253.753	28.000	28.000					
	KHOI VĂN HÓA XÃ HỘI	28	1	22	5					6.323.252	430.146	2.108.012	2.931.812	1.406.000	1.406.000			20		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	15	1	12	2					4.744.680	271.316	2.046.211	2.597.011	964.000	964.000			10		
II	Dự án mới khởi công năm 2016	13		10	3					1.578.572	158.830	61.801	334.801	442.000	442.000			10		
A	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	11		9	2					1.239.627	215.638	450.587	769.587	336.000	336.000			8		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	3		2	1					593.283	131.472	402.684	529.684	42.000	42.000			2		
I	Xây dựng Trường THPT Khuông Đình, quận Thanh Xuân	1			1	Thanh xuân	2015-2017	12 phòng học và hạng mục phụ trợ	7999/QĐ-UB 21/12/2001; 4592/QĐ-UB 04/8/2003; 89/QĐ-KH&ĐT 18/5/2012	22.685	15.254	15.000	20.000	5.000	5.000			UBND quận Thanh Xuân	DA vướng GPMB; DA đã phê duyệt từ năm 2012; cần điều chỉnh tổng mức đầu tư để đảm bảo khả năng thực hiện (Dự kiến TMBT điều chỉnh trên 60 tỷ đồng) Xây dựng mở rộng trường đạt chuẩn Xây mới 12 phòng; xây mới nhà hiệu bộ, nhà bộ môn, nhà GD thể chất.	
2	Xây dựng mở rộng Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây giai đoạn I	1		1		Thường Tín	2011 - 2017	44 phòng học, 19 phòng thí nghiệm	2188/QĐ-UBND 13/5/2011; 6517/QĐ-UBND 30/10/2013; 561/QĐ-UBND 01/02/2016	457.144	72.778	332.130	409.130	30.000	30.000		1	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	Xây mới (tăng thêm) 44 phòng học, 19 phòng thí nghiệm - xưởng thực hành, 02 đơn nguyên KTX, hội trường 500 chỗ, nhà thể chất, thư viện, HTKT đồng bộ	
3	Xây dựng, cải tạo Trường cán bộ Đội Lê Duẩn giai đoạn 2	1		1		Ba Đình	2010-2017	03 tầng, 9.535 m2	6635/QĐ-UBND 21/12/09; 5692/QĐ-UBND 15/11/10; 7307/QĐ-UBND 30/12/2015;	113.454	43.440	55.554	100.554	7.000	7.000		1	Trường Đội Lê Duẩn	GPMB 12 hộ dân, PA đã duyệt 32 tỷ/tổng số GPMB 43 tỷ UBND Thành phố có văn bản chỉ đạo số 6520/VP-KT ngày 29/7/2016	
II	Dự án mới khởi công năm 2016	8		7	1					646.344	84.166	47.903	239.903	294.000	294.000			6		
I	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Phú Xuyên A, Phú Xuyên	1			1	Phú Xuyên	2016-2017	30 phòng học và hạng mục phụ trợ	4863/QĐ-UBND 25/10/2012. 4866/QĐ-UBND 15/8/2013	36.557		2.203	26.203	6.000	6.000			UBND huyện Phú Xuyên	Đầu tư đạt chuẩn Năm 2016 đã bố trí 24 tỷ đồng; dự kiến bổ sung kế hoạch vốn 06 tỷ đồng để hoàn thành công trình năm 2016 Phá dỡ 2 khối nhà học đã xuống cấp (xây dựng năm 1979); cải tạo các nhà lớp học hiện có 30 phòng học; Xây mới nhà lớp học thực hành thí nghiệm 03 tầng	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
2	Xây dựng Trường THPT Phan Huy Chú huyện Quốc Oai	1		1		Quốc Oai	2016-2018	22 phòng học và hạng mục phụ trợ	5680/QĐ-UBND 31/10/2014	125.000	27.525	1.000	41.000	50.000	50.000				UBND huyện Quốc Oai	TKBVTCĐT được duyệt 96 tỷ đồng + GPMB 27 tỷ đồng. Đầu tư đạt chuẩn Xây dựng trường mới 22 phòng; nhà bộ môn, nhà hiệu bộ, HTKT, phụ trợ
3	Xây dựng trường Tiểu học trong khu đô thị Đặng Xá 2, huyện Gia Lâm	1		1		Gia Lâm	2016-2017	15 phòng học và hạng mục phụ trợ	3345/QĐ-UBND 30/10/2014	68.949		500	30.500	30.000	30.000			1	UBND huyện Gia Lâm	Dự phòng 6,2 tỷ Xây dựng mới 15 phòng học và hạng mục phụ trợ
4	Xây dựng trường THCS Đặng Xá trong khu đô thị Đặng Xá 2, huyện Gia Lâm	1		1		Gia Lâm	2016-2017	14 phòng học và hạng mục phụ trợ	3346/QĐ-UBND 30/10/2014	62.923		500	30.500	25.000	25.000			1	UBND huyện Gia Lâm	Dự phòng 5,7 tỷ Xây dựng mới 14 phòng học và hạng mục phụ trợ
5	Xây dựng Trường THPT Đông Mỹ, huyện Thanh Trì	1		1		Thanh Trì	2016-2017	18 phòng học và hạng mục phụ trợ	4991/QĐ-UBND 31/10/2013	97.721	28.344	2.700	40.700	50.000	50.000			1	UBND huyện Thanh Trì	Đầu tư đạt chuẩn Xây dựng trường mới 18 phòng; nhà bộ môn, nhà hiệu bộ
6	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Liên Hà	1		1		Đông Anh	2016-2017	25 phòng học và hạng mục phụ trợ	2848/QĐ-UBND 02/5/2013	65.822		300	10.300	45.000	45.000			1	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đầu tư đạt chuẩn Xây mới nhà học 4 tầng, nhà thể chất; cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ 3 tầng, nhà học 3 tầng; cải tạo nhà thể chất cũ thành thư viện; cải tạo tổng thể hệ thống hạng mục phụ trợ
7	Xây dựng mở rộng Trường THPT Nguyễn Du	1		1		Thanh Oai	2016-2017	24 phòng học và hạng mục phụ trợ	6443/QĐ-UBND 25/10/2013	76.372	13.797	700	20.700	38.000	38.000			1	UBND huyện Thanh Oai	Cải tạo, nâng cấp đạt chuẩn 24 phòng học lý thuyết, cải tạo 12 phòng còn lại thành phòng bộ môn, xây mới nhà giáo dục thể chất, hạng mục phụ trợ
8	Xây dựng Trường THPT Xuân Phương	1		1		Nam Từ Liêm	2016-2017	24 phòng học và hạng mục phụ trợ	5794/QĐ-UBND 30/10/2015	113.000	14.500	40.000	40.000	50.000	50.000			1	UBND quận Nam từ Liêm	Dự phòng 15,3 tỷ đồng. Sở GD&ĐT có VB số 10284/SGD&ĐT-KHTC ngày 13/10/2014 chấp thuận giao UBND quận Nam Từ Liêm làm CĐT 2 dự án THPT Mỹ Đình và Xuân Phương. Đầu tư đạt chuẩn Ngân sách Quận đầu tư một phần (bố trí 40 tỷ đồng năm 2016) Xây dựng trường mới 20 phòng; nhà bộ môn, nhà hiệu bộ ..
B	LĨNH VỰC Y TẾ	11		9	2					3.705.302	36.500	1.189.620	1.643.620	811.000	811.000			9		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	7		7						2.832.053		1.176.522	1.588.522	674.000	674.000			6		
1	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn	1		1		Sóc Sơn	2010-2016	320 giường	3945/QĐ-UBND 04/8/2009	345.870		263.214	293.214	20.000	20.000			1	Sở Y tế	
2	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Đông Anh	1		1		Đông Anh	2012-2016	330 giường	4359/QĐ-UBND 24/8/2009	414.972		275.180	305.180	74.000	74.000			1	Sở Y tế	
3	Cải tạo bệnh viện đa khoa Xanh Pôn và xây dựng nhà điều trị Nội khoa	1		1		Ba Đình	2012-2017	580 giường	908/QĐ-UBND 07/3/2008; 7156/QĐ-UBND 29/12/2014	332.023		208.602	265.602	45.000	45.000			1	Sở Y tế	
4	Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh	1		1		Mê Linh	2013-2017	200 giường	4147/QĐ-UBND 20/9/2012	457.457		228.383	273.383	90.000	90.000			1	UBND huyện Mê Linh	Kiến nghị của Huyện ủy Mê Linh tại buổi làm việc với Bí thư Thành ủy
5	Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Thanh Nhân - Giai đoạn 2	1		1		Hai Bà Trưng	2012-2018	550 giường	5086/QĐ-UBND 31/10/2011	458.938		64.367	202.367	170.000	170.000			1	Sở Y tế	Công trình trọng điểm 2016-2020 Công trình hoàn thành năm 2017. Năm 2018 bố trí vốn thanh, quyết toán.

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QB	TMDT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
6	Đầu tư nâng cấp bệnh viện phụ sản Hà Nội	1		1		Ba Đình	2012-2018	310 giường	5085/QĐ-UBND 31/10/2011	324.729		56.544	141.544	135.000	135.000			1	Sở Y tế	Công trình trọng điểm 2016-2020 Công trình hoàn thành năm 2017. Năm 2018 bố trí vốn thanh, quyết toán.
7	Mở rộng và Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng II	1		1		Ba Vì	2012-2018	260 giường	5084/QĐ-UBND 31/10/2011	498.064		80.232	107.232	140.000	140.000				Sở Y tế	
II	Dự án mới khởi công năm 2016	4		2	2					873.249	36.500	13.098	55.098	137.000	137.000			3		
1	Xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội	1		1		Hà Đông	2016-2020	200 giường	4908/QĐ-UBND 30/9/2015	784.000	25.000	11.998	12.998	100.000	100.000				Sở Y tế	Công trình trọng điểm 2016-2020, UBND TP yêu cầu hoàn thành sớm. Dự án đang rà soát, điều chỉnh quy mô cho phù hợp
2	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Sóc Sơn	1		1		Sóc Sơn	2016-2017	Xây mới TTYT	6442/QĐ-UBND 25/10/2013	51.517	11.500	1.100	26.100	20.000	20.000			1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Xây dựng Phòng khám đa khoa xã Tân Lĩnh	1			1	Ba Vì	2016	20 giường	1710/QĐ-UBND 30/10/2015	24.000			9.000	12.000	12.000			1	UBND huyện Ba Vì	
4	Trạm y tế xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	1			1	Đông Anh	2016	Cải tạo, nâng cấp	3795/QĐ-UBND 30/10/2015	13.732			7.000	5.000	5.000			1	UBND huyện Đông Anh	
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	4	1	3						1.270.391	170.203	422.297	469.297	221.000	221.000			2		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	3	1	2						1.211.412	132.039	421.497	429.497	210.000	210.000			1		
1	Dự án tu bổ tôn tạo di tích đền Ngọc Sơn	1		1		Hoàn Kiếm	2017	Tu bổ	4985/QĐ-UBND 31/10/2012	52.210		500	500	10.000	10.000				Sở Văn hóa và Thể thao	Phần kinh phí còn lại là vốn huy động ngoài ngân sách. Sở Văn hóa TT (2015) bố trí 18 tỷ nguồn thu từ di tích
2	Bảo tàng Hà Nội (nội dung trưng bày)	1		1		Nam Từ Liêm	2016-2019	54.150 m2	1424/QĐ-UBND 21/4/2008; 5099/QĐ-UBND 07/11/2012	789.004		345.000	350.000	100.000	100.000				Sở Văn hóa và Thể thao	Công trình trọng điểm 2016-2020. Vốn XDCB là 647 tỷ đồng. Phần kinh phí còn lại là vốn sự nghiệp
3	Dự án chỉnh trang mặt bằng do Bộ Quốc phòng và hai hộ gia đình lã thành cách mạng bán giao (khu Hoàng Thành)	1	1			Ba Đình	2015-2019	5,78ha	5079/QĐ - UBND 02/10/2014	370.198	132.039	75.997	78.997	100.000	100.000			1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	Công trình trọng điểm 2016-2020, Dự phóng: 48,287 triệu đồng Tại Thông báo số 411/TB-UBND ngày 18/10/2016, Chủ tịch UBND TP chỉ đạo tạm dừng dự án, chỉ tập trung công tác GPMB, nghiên cứu lập BCNCKT tổng thể toàn bộ khu Hoàng Thành Thăng Long
II	Dự án mới khởi công năm 2016	1		1						58.979	38.164	800	39.800	11.000	11.000			1		
1	Nâng cấp mở rộng di tích nhà Hồ Chủ tịch ở và làm việc tháng 12/1946	1		1		Hà Đông	2016-2017	1.741 m2.	5550/QĐ-UBND 28/10/2014	58.979	38.164	800	39.800	11.000	11.000			1	Sở Văn hóa và Thể thao	DP 7,2 tỷ
D	LĨNH VỰC DẠY NGHỀ	2		1	1					107.932	7.805	45.508	49.308	38.000	38.000			1		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2		1	1					107.932	7.805	45.508	49.308	38.000	38.000			1		
1	Dự án đầu tư nghề trọng điểm: Cơ điện tử cấp độ quốc tế của Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	1		1		Nam Từ Liêm	2015-2016	Đầu tư nghề trọng điểm Quốc tế 150 hs/năm	4920/QĐ-UBND 01/10/2015	73.868		40.000	40.000	14.000	14.000				Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	NSTW đã bố trí 40.000 triệu đồng. Phần còn lại sử dụng ngân sách của Trường và Bộ LĐTBXH. Chỉ sử dụng NSTP 14 tỷ đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bỏ tri/đã giải ngân đến hết năm 2015	Lũy kế số vốn đã bỏ tri/đã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
2	Xây dựng Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, dạy nghề huyện Quốc Oai (định hướng thành Trung tâm giáo dục nghề nghiệp huyện)	1			1	Quốc Oai	2016-2017	3.210 m2 sàn; 14 phòng học, 01 phòng cho hs khuyết tật; 08 phòng thực hành	5171/QĐ-UBND 12/10/2015	34.064	7.805	5.508	9.308	24.000	24.000			1	UBND huyện Quốc Oai	ĐT XD Trung tâm tại vị trí khác do vị trí cũ phải GPMB thực hiện dự án Xây dựng đường trục chính Bắc Nam đô thị Quốc Oai. Tiến đến bù công trình cũ là 5.508 triệu đồng để thực hiện GPMB
	KHỐI CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ	5		4	1					866.819	323.686	320.523	464.223	183.300	183.300			3		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	4		4						852.069	323.686	320.023	457.723	175.300	175.300			2		
II	Dự án mới khởi công năm 2016	1			1					14.750		500	6.500	8.000	8.000			1		
A	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP	4		4						852.069	323.686	320.023	457.723	175.300	175.300			2		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	4		4						852.069	323.686	320.023	457.723	175.300	175.300			2		
1	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3 - Cụm công nghiệp tập trung Sóc Sơn	1		1		Sóc Sơn	2010-2018	Tuyến 1: L= 2.871m; Tuyến 2: L= 595m	1065/QĐ-UBND 24/02/2014	360.000	189.939	216.389	216.389	80.000	80.000				UBND huyện Sóc Sơn	Ngân sách huyện Sóc Sơn 4.600 tr. d (theo QĐ phê duyệt DA, vốn NSTP 214,75 tỷ đồng còn lại vốn NS huyện. Ngày 18/4/2016, tại cuộc họp về CCN tập trung Sóc Sơn CN3, Chủ tịch UBND Thành phố đồng ý cho phép CĐT báo cáo UBND TP xem xét bố trí vốn NSTP hỗ trợ phần dự án chưa thực hiện) DP: 28,582 tỷ đồng
2	Xây dựng tuyến đường gom Bắc Thăng Long-Nội Bài, đoạn qua Khu công nghiệp Quang Minh I	1		1		Mê Linh	2015-2017	L= 1154,7m; B=24m	7458/QĐ-UBND 09/12/2013	160.154	66.110	6.329	76.329	53.000	53.000			1	Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất HN	Giải quyết bức xúc về tai nạn giao thông cho công nhân KCN Quang Minh. DP: 29,816 tỷ đồng
3	Xây dựng Trung tâm đào tạo cán bộ quản lý năng lượng Hà Nội	1		1		Thạch Thất	2013-2017	17000m2	1871/QĐ-UBND 27/02/2013	198.321		40.434	95.434	33.000	33.000			1	Sở Công thương	Vốn Bộ Công thương cấp 42.400trđ. DP: 28,663 tỷ đồng. Xây dựng trường đào tạo cán bộ quản lý năng lượng với số lượng 250 học viên/năm
4	Xây dựng đường gom nối đường Đai Tư-Sài Đồng A ra quốc lộ 5	1		1		Long Biên, Gia Lâm	2010-2016	L=1150m; B=16,25m	128/QĐ-UBND 12/01/2010	133.594	67.637	56.871	69.571	9.300	9.300				Ban quản lý các dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	DA không sử dụng hết TMBT do GPMB giảm từ 67.637trđ xuống 31.000 trđ Công trình hoàn thành năm 2016. Năm 2017 bố trí vốn thanh, quyết toán.
B	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI	1			1					14.750		500	6.500	8.000	8.000			1		
II	Dự án mới khởi công năm 2016	1			1					14.750		500	6.500	8.000	8.000			1		
1	Xây dựng Nhà kho tạm giữ hàng hóa, phương tiện vi phạm thuộc Chi cục quản lý thị trường Hà Nội	1			1	Hà Đông	2016	3874m2	6957/QĐ-UBND 17/12/2015	14.750		500	6.500	8.000	8.000			1	Sở Công thương	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/dã giải ngân đến hết năm 2015	Lũy kế số vốn đã bố trí/dã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
	KHỎI NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	32	3	17	12					12.389.045	1.502.738	3.071.565	4.392.504	1.640.700	1.601.650	39.050		24		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	15	3	12						11.240.806	1.302.040	3.049.644	4.108.383	1.173.000	1.133.950	39.050		10		
II	Dự án mới khởi công năm 2016	17		5	12					1.148.239	200.698	21.921	284.121	467.700	467.700			14		
A	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN	2		2						227.878	10.734	139.370	149.370	50.000	50.000			2		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1		1						164.875	10.734	139.070	139.070	24.000	24.000			1		
1	Xây dựng công trình quản lý và phòng cháy chữa cháy rừng huyện Sóc Sơn (giai đoạn I)	1		1		Sóc Sơn	2008-2010		4680/QĐ-UBND 02/11/2007; 3121/QĐ-UBND 31/7/2008	164.875	10.734	139.070	139.070	24.000	24.000			1	UBND huyện Sóc Sơn	Đã hoàn thành gói 1A, 1B, 3 trong tổng số 6 gói thầu xây lắp, 02/5 gói cơ bản hoàn thành
II	Dự án mới khởi công năm 2016	1		1						63.003		300	10.300	26.000	26.000			1		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nuôi trồng thủy sản tập trung xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín	1		1		Thường Tín	2014-2017	93,2ha	5057/QĐ-UBND 22/8/2013	63.003		300	10.300	26.000	26.000			1	UBND huyện Thường Tín	NSTP: 37,984 tỷ
B	LĨNH VỰC ĐỀ DIỀU	8		5	3					810.891	104.030	214.169	439.818	231.000	231.000			6		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	5		5						743.650	97.519	211.819	414.468	195.000	195.000			3		
1	Cứng hóa cơ đê bao xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	1		1		Đan Phượng	2013-2017	3.670m cơ đê	1184/QĐ-UBND 08/3/2011; 7063/QĐ-UBND 22/12/2015	89.304	10.883	63.400	73.400	15.000	15.000				UBND huyện Đan Phượng	Dự án hoàn thành năm 2016, năm 2017 bố trí vốn thanh toán khối lượng đã thực hiện (dự án được phê duyệt điều chỉnh ngày 22/12/2015)
2	Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Đê, hữu Hồng huyện Ba Vì	1		1		Ba Vì	2012-2018	44.912m	5076/QĐ-UBND 31/10/2011	256.766	42.671	40.408	87.408	60.000	60.000				Sở Nông nghiệp và PTNT	Thông báo số 78-TB/TU ngày 18/3/2016 Rà soát, cắt giảm quy mô đầu tư (chỉ thực hiện những đoạn qua khu dân cư)
3	Cải tạo, nâng cấp mặt đê tả Hồng đoạn từ K53+600 đến K60+850, huyện Đông Anh	1		1		Đông Anh	2013-2017	7.250m	4872/QĐ-UBND 25/10/2012	86.692	5.389	26.274	61.274	20.000	20.000			1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
4	Tu bổ, nâng cấp đê bao hữu Bùi, huyện Chương Mỹ	1		1		Chương Mỹ	2013-2018	19.400m	4999/QĐ-UBND 28/10/2011	182.630	38.576	41.300	81.300	85.000	85.000			1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
5	Nâng cấp tuyến đê hữu Hồng trên địa bàn thành phố Hà Nội (đoạn từ K2+030 đến K8+800 đê Văn Cốc, huyện Phúc Thọ, huyện Đan Phượng)	1		1		Phúc Thọ, Đan Phượng	2015-2017	6.542m	494/QĐ-UBND 30/01/2015	128.258		40.437	111.086	15.000	15.000			1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
II	Dự án mới khởi công năm 2016	3			3					67.241	6.511	2.350	25.350	36.000	36.000			3		
1	Tu sửa kéo dài kè Xuyên Dương đê tả Đáy xã Xuân Dương huyện Thanh Oai	1			1	Thanh Oai	2016-2017	973,5m	348/QĐ-KH&ĐT 31/10/2011	25.183	6.011	1.150	9.150	14.000	14.000			1	UBND huyện Thanh Oai	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QB	TMĐT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
2	Kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy xã Sơn Công huyện Ứng Hoà	1			1	Ứng Hòa	2016-2017	1.557m	292/QĐ-KH&ĐT 24/10/2012	18.456	500	1.200	1.200	15.000	15.000			1	UBND huyện Ứng Hòa	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê bồi ngăn lũ kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn xã Vân Phúc – Cẩm Đình, huyện Phúc Thọ	1			1	Phúc Thọ	2016-2017	4.536m	331/QĐ-KH&ĐT 21/10/2011	23.602			15.000	7.000	7.000			1	UBND huyện Phúc Thọ	
C	LĨNH VỰC THỦY LỢI	21	2	10	9					9.947.842	1.387.974	2.552.526	3.485.816	1.159.700	1.120.650	39.050		16		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	8	2	6						8.929.847	1.193.787	2.533.255	3.237.345	754.000	714.950	39.050		6		
1	Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	1	1			Ba Vì	2011-2020	Tuổi 16000ha, khôi phục 27km lòng sông Tích	4927/QĐ-UBND 06/10/2010; 1054/QĐ-UBND 04/3/2016	4.253.765		1.911.854	2.152.944	300.000	260.950	39.050		Sở Nông nghiệp và PTNT	Thông báo số 78-TB/TU ngày 18/3/2016 Công trình trọng điểm 2016-2020	
2	Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	1	1			Hà Đông	2015-2020	Tiêu 6300ha	1834/QĐ-UBND 23/02/2013	3.916.491	1.173.486	321.568	636.568	300.000	300.000			Sở Nông nghiệp và PTNT	Công trình trọng điểm 2016-2020	
3	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối và kiên cố hoá hệ thống kênh trạm bơm Hồng Vân	1		1		Thường Tín, Thanh Trì, Phú Xuyên	2013-2017	Tuổi 9131 ha	5329/QĐ-UBND 28/10/2010	256.542	1.120	102.210	167.210	13.000	13.000			1	Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi sông Nhuệ	Rà soát, điều chỉnh DA. GĐ1: 180,0 tỷ (Đầu mối và kênh cấp 1)
4	Kiên cố hoá, kết hợp giao thông kênh chính trạm bơm La Khê tại quận Hà Đông, huyện Thanh Oai.	1		1		Hà Đông, Thanh Oai	2011-2017	Tuổi 4018 ha	5357/QĐ-UBND 29/10/2010	127.912	2.000	57.250	82.250	35.000	35.000			1	Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Sông Đáy	Rà soát, điều chỉnh DA
5	Cải tạo thoát nước sông Pheo, huyện Từ Liêm	1		1		Bắc Từ Liêm	2012-2017	6.450m	5668/QĐ-UBND 20/12/2006, 2913/QĐ-UBND 27/6/2012	69.990	500	23.250	33.250	27.000	27.000			1	Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Hà Nội	
6	Nạo vét kênh đả Vả và xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	1		1		Mê Linh	2013-2017	6940m	5088/QĐ-UBND 28/10/2011	86.737	2.000	28.100	51.100	29.000	29.000			1	UBND huyện Mê Linh	
7	Nạo vét, củng cố bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hoà	1		1		Ứng Hòa	2012-2017	2.500m	5370/QĐ-UBND 29/10/2010	166.126		63.500	88.500	25.000	25.000			1	UBND huyện Ứng Hòa	GĐ 1: 120,0 tỷ Rà soát, cắt giảm quy mô
8	Hồ chứa nước Đồng Bò xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai	1		1		Quốc Oai	2011-2017	Tuổi	5367/QĐ-UBND 29/10/2010; 5366/QĐ-UBND 20/11/2012	52.284	14.681	25.523	25.523	25.000	25.000			1	UBND huyện Quốc Oai	Rà soát, cắt giảm quy mô
II	Dự án mới khởi công năm 2016	13		4	9					1.017.995	194.187	19.271	248.471	405.700	405.700			10		
1	Nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hoá hệ thống tưới Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	1		1		Chương Mỹ	2015-2017	Tuổi 1.050ha	4849/QĐ-UBND 25/10/2012	150.125	21.101	3.900	4.000	50.000	50.000				Sở Nông nghiệp và PTNT	Phục vụ vùng lúa chất lượng cao xã Thượng Vực, Đồng Phú, Văn Võ, Hòa Chính, Phú Nam An. Rửa soát, cắt giảm quy mô
2	Xây dựng trạm bơm tưới Thụy Phú II, huyện Phú Xuyên	1		1		Phú Xuyên	2015-2018	Tuổi 4.668ha	4837/QĐ-UBND 24/10/2012	144.834	8.400	1.700	35.100	40.000	40.000				Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi sông Nhuệ	Phục vụ vùng thủy sản công nghệ cao xã Trì Trung

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/dã giải ngân đến hết năm 2015	Lũy kế số vốn đã bố trí/dã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
3	Xây dựng hệ thống tiêu trạm bơm tiêu Vĩnh Phúc, xã Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai	1			1	Quốc Oai	2015-2017	Tươi 600ha, tiêu 450ha	289/QĐ-KH&ĐT 24/10/2012	49.987	4.290	1.300	17.300	30.000	30.000			1	Công ty TNHH MTV thủy lợi sông Tích	Phục vụ vùng lúa chất lượng cao xã Liệp Tuyết, Tuyết Nghĩa
4	Nâng cấp kênh N2 hồ Đại Lải (đoạn tuyến trên địa bàn huyện Sóc Sơn);	1			1	Sóc Sơn	2015-2017	6.012m	290/QĐ-KH&ĐT 24/10/2012	45.341	350	3.168	23.168	20.000	20.000			1	Công ty TNHH MTV ĐTVT thủy lợi Hà Nội	
5	Xây dựng trạm bơm Cầu Đổ- Chân Chim	1		1		Mỹ Đức	2015-2018	Tiêu 500ha	4850/QĐ-UBND 25/10/2012	71.202	2.000	1.300	26.300	26.000	26.000			1	UBND huyện Mỹ Đức	DP: 18,7 tỷ đồng
6	KCH kênh N1 (kênh A trạm bơm Vân Đình) và củng cố kênh kết hợp phát triển giao thông nội đồng huyện Ứng Hoà	1			1	Ứng Hòa	2015-2017	6.422m	336/QĐ-KH&ĐT 26/10/2011	48.794		1.300	31.300	13.000	13.000			1	UBND huyện Ứng Hòa	Phục vụ vùng lúa chất lượng cao xã Trầm Lộng, Đại Hùng, Đại Bình
7	Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Sân - Phan kênh và CTTK, huyện Thạch Thất	1		1		Thạch Thất	2015-2018	Tiêu 1.885 ha	2508/QĐ-UBND 02/6/2011; 7938/QĐ-UBND 27/12/2013	285.589	120.000	5.000	35.000	100.000	100.000				UBND huyện Thạch Thất	Phục vụ vùng lúa chất lượng cao xã Canh Nậu, Hương Ngải; RAT xã Hương Ngải
8	Cải tạo, nâng cấp bờ hữu sông Nhuệ kết hợp giao thông huyện Thanh Oai	1			1	Thanh Oai	2015-2017	6.094m	2060/QĐ-UBND 10/5/2011	58.985	27.046	303	25.303	29.000	29.000			1	UBND huyện Thanh Oai	Phục vụ vùng lúa chất lượng cao xã Mỹ Hưng, Thanh Thủy, Liên Châu
9	Củng cố mặt kênh kết hợp làm đường giao thông đoạn kênh Từ Văn đến Kiều Thủy, huyện Thường Tín	1			1	Thường Tín	2015-2017	3.216m	315/QĐ-KH&ĐT 31/10/2012	47.007	500	1.000	16.000	27.000	27.000			1	UBND huyện Thường Tín	
10	Cải tạo, nâng cấp và củng cố bờ kênh kết hợp giao thông kênh tưới Đồi Trám, kênh tiêu N4b, huyện Mỹ Đức	1			1	Mỹ Đức	2015-2017	Tươi 605ha, tiêu 347ha	140/QĐ-KH&ĐT 27/5/2011	36.444	500	100	12.100	21.000	21.000			1	UBND huyện Mỹ Đức	Phục vụ vùng lúa chất lượng cao xã Tuy Lai, An Mỹ
11	Xây dựng công trình kênh tiêu T0, huyện Đan Phượng	1			1	Đan Phượng	2015-2017	595m	291/QĐ-KH&ĐT 24/10/2012	29.163	9.000	200	14.600	12.000	12.000			1	UBND huyện Đan Phượng	
12	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối hồ Cầu Bãi, huyện Sóc Sơn	1			1	Sóc Sơn	2015-2017	Tươi	557/QĐ-UBND 7/3/2011; 6208/QĐ-UBND 28/10/2013	24.078	1.000		7.000	15.000	15.000			1	UBND huyện Sóc Sơn	Phục vụ vùng chè chất lượng cao xã Bắc Sơn
13	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới, tiêu Ngọc Mỹ - Ngọc Liệp - Nghĩa Hương - Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai	1			1	Quốc Oai	2015-2017	5.100m	369/QĐ-KH&ĐT 12/11/2014; 5837/QĐ-UBND 30/10/2015 4943/QĐ-UBND 09/9/2016	26.446			1.300	22.700	22.700			1	UBND huyện Quốc Oai	Phục vụ vùng lúa chất lượng cao Ngọc Mỹ, Nghĩa Hương, Liệp Tuyết KH2016 điều chỉnh giảm do góp dự án, chưa phê duyệt KHLCNT
D	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	1	1							1.402.434		165.500	317.500	200.000	200.000					
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1	1							1.402.434		165.500	317.500	200.000	200.000					
1	Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của thành phố Hà Nội	1	1			Hà Nội	2015-2020	101.356ha; 81.442 thửa	6264/QĐ-UBND 27/11/2014	1.402.434		165.500	317.500	200.000	200.000				Sở Tài nguyên và Môi trường	Dự án đang rà soát theo chỉ đạo của UBND Thành phố

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Lấy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
	<u>KHOÍ BẢO, ĐÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG</u>	3	1	1	1					1.138.094		312.000	512.000	439.462	439.462			2		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	3	1	1	1					1.138.094		312.000	512.000	439.462	439.462			2		
A	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	2	1		1					820.096		232.000	362.000	292.462	292.462			1		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2	1		1					820.096		232.000	362.000	292.462	292.462			1		
1	Dự án Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên Hà Nội	1	1			Tây Hồ	2013-2017	43.698 m2 sản phẩm phục vụ công tác trưng bày, giao dịch công nghệ, thiết bị trong và ngoài nước	4941/QĐ-UBND 30/10/2012; 5218/QĐ-UBND 22/9/2016	795.000		220.000	350.000	291.462	291.462			Sở Khoa học công nghệ	Công trình trọng điểm 2016-2020. Vốn dự phòng theo QĐ phê duyệt TKKT-TDT là 108.296 triệu đồng. Dự kiến hoàn thành năm 2017, năm 2018 bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành	
2	Tăng cường năng lực của Viện KHCN và Kinh tế xây dựng Hà Nội nhằm nâng cao năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng cho Hà Nội và Vùng Thủ đô	1			1	Đống Đa	2013-2015	Cải tạo nhà 1/3 tầng thành 5 tầng, ĐT thiết bị thí nghiệm, kiểm định tại 03 lĩnh vực: địa kỹ thuật, VLXD, kết cấu công trình,...	3349/QĐ-SXD 01/6/2012	25.096		12.000	12.000	1.000	1.000			1	Viện Khoa học công nghệ và Kinh tế xây dựng Hà Nội (Sở Xây dựng)	NSTW bố trí 12 tỷ cho phần thiết bị, NSTP bố trí 13 tỷ cho phần cải tạo trụ sở Điều chỉnh KH2016 giảm 1.000 tỷ do TW chưa bố trí vốn.
B	LĨNH VỰC THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG	1		1						317.998		80.000	150.000	147.000	147.000			1		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1		1						317.998		80.000	150.000	147.000	147.000			1		
1	Chuyển đổi công nghệ số hóa sản xuất - phát sóng truyền hình Đài Phát thanh và truyền hình Hà Nội giai đoạn 2013-2015	1		1		Nam Từ Liêm	2014-2017	Hoàn thiện chuyển đổi dây chuyền SX theo công nghệ số HDTV tại kênh 1 và TB công nghệ số tại các khâu tiểu kỳ, hậu kỳ phát sóng tại kênh 2	6485/QĐ-UBND 28/10/2013	317.998		80.000	150.000	147.000	147.000			1	Đài PT-TH Hà Nội	Đề án số hóa truyền hình mặt đất; NSTP đầu tư 299.019 triệu đồng theo Quyết định số 6034/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND TP phê duyệt điều chỉnh TKKT-TDT của dự án
	<u>KHOA AN NINH - PCCC - QUỐC PHÒNG - TƯ PHÁP - NỘI CHÍNH</u>	10	1	2						2.086.213		700.327	1.260.227	284.500	284.500			8		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	8	1	7						1.832.156		699.827	1.143.727	233.500	233.500			7		
II	Dự án mới khởi công năm 2016	2		2						254.057		500	116.500	51.000	51.000			1		
A	LĨNH VỰC NỘI CHÍNH	2		2						409.668		257.921	373.321	24.000	24.000			2		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2		2						409.668		257.921	373.321	24.000	24.000			2		

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/dã giải ngân đến hết năm 2015	Lũy kế số vốn đã bố trí/dã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch 2017	Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2017			CTHT	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QB	TMBT	Trong đó: GPMB				NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Xây dựng, cải tạo khu điều dưỡng cán bộ Hà Nội tại Đồ Sơn, Hải Phòng	1		1		Hải Phòng	2013-2017	2837,8m2	1194/QĐ-UBND 09/3/2011; 3313/QĐ-UBND 16/7/2015	308.202		200.000	290.000	12.000	12.000			1	Văn phòng Thành ủy Hà Nội	Thông báo số 976/TB-TU ngày 27/5/2015
2	Dự án Nhà khách Ủy ban Thành phố 13-15 Lương Ngọc Quyến	1		1		Hoàn Kiếm	2013-2017	50 phòng	5137/QĐ-UBND 20/10/2010; 3030/QĐ-UBND 10/5/2013	101.466		57.921	83.321	12.000	12.000			1	Văn phòng UBND TP	
B	LĨNH VỰC PCCC	1		1						707.307		320.000	420.000	100.000	100.000					
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1		1						707.307		320.000	420.000	100.000	100.000					
1	Dự án Đầu tư trang thiết bị PCCC, CNCH và cơ sở vật chất cho các phòng CS PCCC khu vực Đống Đa, Gia Lâm, Thường Tín, Ứng Hòa, Đan Phượng và Thạch Thất.	1		1		Hà Nội	2015-2018		6516/QĐ-UBND 30/10/2013	707.307		320.000	420.000	100.000	100.000				Cảnh sát PCCC thành phố Hà Nội	Công trình trọng điểm 2011-2015
C	LĨNH VỰC AN NINH	3		3						310.604		67.906	168.406	30.000	30.000			3		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2		2						261.547		67.406	146.906	29.000	29.000			2		
1	Xây dựng cơ sở làm việc CATX Sơn Tây	1		1		Sơn Tây	2016-2017	350 CBCS	6128/QĐ-H41-H45 23/10/2012; 101/QĐ-UBND ngày 06/5/2016	169.364		33.246	76.746	23.000	23.000			1	Công an thành phố Hà Nội	NSTP hỗ trợ 50%TMBT. Vốn BCA đã cấp 48,246 tỷ đồng.
2	Xây dựng cơ sở làm việc CAH Mỹ Đức	1		1		Mỹ Đức	2016-2017	315 CBCS	4516/QĐ-BCA-H41 27/10/2011; 88/QĐ-H41-H45 ngày 22/4/2016	92.183		34.160	70.160	6.000	6.000			1	Công an thành phố Hà Nội	NSTP hỗ trợ 50%TMBT. Vốn BCA đã cấp 34,16 tỷ đồng.
II	Dự án mới khởi công năm 2016	1		1						49.057		500	21.500	1.000	1.000			1		
1	Xây dựng cơ sở làm việc CAH Mê Linh	1		1		Mê Linh	2017	320 CBCS	6257/QĐ-H41-H45 24/10/2012; 223/QĐ-H41-H45 ngày 31/8/2016	49.057		500	21.500	1.000	1.000			1	Công an thành phố Hà Nội	NSTP hỗ trợ 50%TMBT. Vốn BCA đã cấp 7,5 tỷ đồng.
D	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG	4	1	3						658.634		54.500	298.500	130.500	130.500			3		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	3	1	2						453.634		54.500	203.500	80.500	80.500			3		
1	STN.01.1	1	1			Hà Nội	2014-2017		230/QĐ-UBND 30/10/2013	95.676		15.000	35.000	36.000	36.000			1	Bộ Tư lệnh Thủ đô	Thành phố đầu tư
2	Xây dựng doanh trại sư đoàn BB301/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	1		1		Hà Đông	2015-2017		3333/QĐ-BQP 18/8/2015	285.000		30.000	139.000	38.000	38.000			1	Bộ Tư lệnh Thủ đô	Thành phố hỗ trợ 50% - khoảng 142.500 triệu đồng
3	Xây dựng trường bắn khu vực Hòa Thạch/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	1		1		Quốc Oai	2012-2017		2372/QĐ-TM 31/10/2011	72.958		9.500	29.500	6.500	6.500			1	Bộ Tư lệnh Thủ đô	Thành phố hỗ trợ
II	Dự án mới khởi công năm 2016	1		1						205.000			95.000	50.000	50.000					
1	Mở rộng Trung tâm giáo dục QP-AN TP Hà Nội	1		1		Sơn Tây	2016-2018		902/QĐ-BQP 14/3/2016	205.000			95.000	50.000	50.000				Bộ Tư lệnh Thủ đô	Thành phố đầu tư

Số: /2016/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục các công trình trọng điểm và
danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên
phát triển giai đoạn 2016-2020 của thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 3**

(Từ ngày .../12 đến ngày.../12/2016)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 6/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ XVI Đảng bộ Thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2015-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 01/12/2015 của HĐND Thành phố về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 02/12/2015 của HĐND Thành phố về tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C và nội dung ủy quyền cho

Thường trực HĐND Thành phố xem xét, cho ý kiến và quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội TP Hà Nội 5 năm 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của UBND thành phố Hà Nội tại các Báo cáo số.../BC-UBND ngày /11/2016, số.../BC-UBND ngày /11/2016 và số.../BC-UBND ngày /11/2016; Báo cáo thẩm tra số...../HĐND-KTNS ngày /11/2016 của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến thảo luận của các Đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố Hà Nội, gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu, định hướng đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Thành phố giai đoạn 2016-2020:

1.1. Mục tiêu:

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, góp phần hoàn thành cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của Thành phố giai đoạn 2016-2020.

1.2. Định hướng:

a) Tập trung bố trí vốn bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố, các công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2016-2020 và các dự án thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, khâu đột phá về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh đã được xác định tại Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội Thủ đô đến 2020, tầm nhìn 2030; các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI nhiệm kỳ 2015-2020; Nghị quyết của HĐND Thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của Thành phố giai đoạn 2016-2020. Không bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác có thể tham gia.

b) Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã để thực hiện các dự án có ý nghĩa về phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương, hỗ trợ đặc thù ngân sách cấp huyện để xây dựng cơ sở hạ tầng đối với các địa phương phục vụ giải phóng mặt bằng và bị ảnh hưởng bởi các dự án xây dựng nghĩa trang tập trung, bãi rác thải tập trung, các dự án trọng điểm của quốc gia và Thành phố. Hỗ trợ đầu tư các dự án thuộc ngành dọc quốc phòng, an ninh, phòng cháy chữa cháy và tư pháp theo Nghị quyết số 30/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của HĐND Thành phố, Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp, ý

kiến của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Văn bản số 5168/VPCP-KTTH ngày 24/6/2016 và 1500/TTg-KTN ngày 22/8/2016.

2. Tổng mức vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Thành phố giai đoạn 2016-2020: **144.888 tỷ đồng**, trong đó:

2.1. Tổng mức vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp Thành phố giai đoạn 2016-2020 là **90.910 tỷ đồng**, trong đó:

a) Vốn bố trí cho **178 dự án** chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 tiếp tục triển khai giai đoạn 2016-2020: **32.873 tỷ đồng**; vốn bố trí cho **102 dự án** khởi công mới năm 2016 tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2017-2020: **9.027 tỷ đồng**.

b) Dự kiến mức vốn bố trí các dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 (không bao gồm công trình trọng điểm) là **21.777 tỷ đồng**; trong đó có 08 công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020.

c) Dự phòng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn để xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn theo mức quy định 10% là 9.091 tỷ đồng (trên tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn theo từng nguồn vốn).

(Chi tiết tại các Phụ lục số 1, số 2 kèm theo)

2.2. Tổng mức vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp huyện giai đoạn 2016-2020 là **43.978 tỷ đồng**.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu Thành phố:

3.1. Bố trí 5.430 tỷ đồng tỷ đồng giai đoạn 2016-2020 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới có lồng ghép 1.000 tỷ đồng thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020 theo Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 của UBND Thành phố.

(Chi tiết tại các Phụ lục số 3 kèm theo)

3.2. Bố trí 1.006 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Thành phố giai đoạn 2016-2020 để thực hiện 02 Chương trình mục tiêu Thành phố, trong đó:

a) Chương trình Công nghệ thông tin là: 6 tỷ đồng.

b) Chương trình giảm ùn tắc giao thông là 1.000 tỷ đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục số 4 kèm theo)

4. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Thành phố giai đoạn 2016-2020:

a) Tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị định, hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương về đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tế của Thành phố;

b) Việc phân bổ vốn phải phục vụ cho việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không

thuộc lĩnh vực đầu tư công theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

d) Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, dự án, công trình trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và của các quận, huyện, thị xã.

e) Bố trí vốn đầu tư tập trung, không dàn trải, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước: Dự án nhóm C thực hiện từ 1-2 năm/quy định 3 năm, dự án nhóm B thực hiện 2-3 năm/quy định 5-8 năm, dự án nhóm A phần đầu thực hiện trong 5 năm.

5. Thứ tự ưu tiên trong phân bổ vốn ngân sách Thành phố giai đoạn 2016-2020:

a) Bố trí đủ vốn hoàn trả các khoản vốn ngân sách nhà nước ứng trước, các khoản vốn vay ngân sách địa phương.

b) Bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn nước ngoài (ODA) và bố trí vốn thanh toán cho công tác chuẩn bị đầu tư các dự án XDCB tập trung của Thành phố và các dự án dự kiến thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP).

c) Bố trí vốn cho các dự án, công trình thuộc danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 đã được Thành phố xác định.

d) Bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;

e) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020;

f) Bố trí vốn cho các dự án được bố trí vốn khởi công mới năm 2016 chuyển tiếp sang thực hiện trong giai đoạn 2017-2020.

g) Sau khi bố trí đủ vốn theo thứ tự ưu tiên nêu trên, nếu còn vốn sẽ xem xét bố trí cho các dự án cấp thiết khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020.

6. Về hỗ trợ bổ sung có mục tiêu, hỗ trợ đặc thù cho ngân sách cấp huyện:

6.1. Hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện: Giai đoạn 2016-2020, ngân sách Thành phố hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho 17 huyện và thị xã Sơn Tây là: **7400 tỷ đồng**; trong đó:

- Nhóm 1 gồm 3 huyện: Ba Vì, Mỹ Đức, Sóc Sơn: Dự kiến mức hỗ trợ cho mỗi đơn vị là 500 tỷ đồng (trung bình mỗi năm khoảng 100 tỷ đồng).

- Nhóm 2 gồm 10 huyện, thị xã: Chương Mỹ, Mê Linh, Phú Xuyên, Phúc Thọ, Quốc Oai, Thạch Thất, Thanh Oai, Thường Tín, Ứng Hòa và Sơn Tây: Dự kiến mức hỗ trợ cho mỗi đơn vị là 420 tỷ đồng (trung bình mỗi năm khoảng 84 tỷ đồng).

- Nhóm 3 gồm 5 huyện: Đan Phượng, Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Thanh Trì: Dự kiến mức hỗ trợ cho mỗi đơn vị là 340 tỷ đồng (trung bình mỗi năm khoảng 68 tỷ đồng).

(Chi tiết tại phụ lục số 5 kèm theo)

6.2. Ngân sách Thành phố dành **2.180,76 tỷ đồng** hỗ trợ đặc thù cho cấp huyện bao gồm:

a) Hỗ trợ 600 tỷ đồng cho cấp huyện để xây dựng cơ sở hạ tầng đối với các địa phương phục vụ giải phóng mặt bằng và bị ảnh hưởng bởi các dự án xây dựng nghĩa trang tập trung, bãi rác thải tập trung, các dự án trọng điểm của quốc gia và Thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục số 6 kèm theo)

b) Hỗ trợ 1.580,76 tỷ đồng hỗ trợ cho cấp huyện xây dựng trường học, trạm y tế đạt chuẩn từ nguồn tăng thu 812,26 tỷ đồng và nguồn vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô 768,5 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 7 kèm theo)

7. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020:

7.1. Tập trung huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển:

a) Tiếp tục cơ cấu lại chi tiêu ngân sách nhà nước theo hướng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm chi thường xuyên để tăng dần cơ cấu chi cho đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 không thấp hơn 50% tổng chi của Thành phố.

b) Rà soát, xác định và ưu tiên quỹ đất đối ứng thực hiện các dự án theo hình thức hợp đồng BT đặc biệt là các dự án thuộc danh mục công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2016-2020; quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển của Thành phố.

c) Giải ngân vốn ODA trước mắt theo số vốn thông báo từ Trung ương là 6.172 tỷ đồng (bao gồm cả dự phòng là 6.858 tỷ đồng). Để đáp ứng nhu cầu vốn, đảm bảo tiến độ cho các dự án sử dụng vốn ODA, HĐND Thành phố chấp thuận cho phép giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ODA theo hiệp định đã ký kết và nhu cầu vốn của các dự án là 63.962 tỷ đồng (*Chi tiết tại biểu Phụ lục số 8*) và sẽ được giải ngân khi có thông báo giao kế hoạch vốn cụ thể từng năm, từng thời kỳ hoặc có văn bản chỉ đạo từ Trung ương.

d) Kiến nghị Chính phủ quan tâm đầu tư từ ngân sách Trung ương cho một số dự án lớn mang ý nghĩa thúc đẩy phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ.

7.2. Hạn chế tối đa việc ứng trước kế hoạch đầu tư công trung hạn. Trường hợp cần thiết ứng trước, phải kiểm soát chặt chẽ đối với từng dự án, bảo đảm có nguồn thanh toán ứng trước và có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn.

7.3. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn. Khoản vốn dự phòng chung chưa phân bổ chỉ được sử dụng trong trường hợp nguồn thu ngân sách nhà nước được đảm bảo theo kế hoạch và được sử dụng cho các mục tiêu thật sự cần thiết, bất khả kháng, cấp bách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và phải báo cáo Thường trực HĐND chấp thuận trước khi thực hiện.

7.4. Tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức hợp tác công tư (PPP). Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa đối với các dịch vụ công trong lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo, dạy nghề, văn hóa, thể thao, cung cấp nước sạch, bảo vệ môi trường và dịch vụ tang lễ.

7.5. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các ngành, các cấp chú trọng chất lượng lập báo cáo đề xuất, thẩm định, trình duyệt chủ trương đầu tư các dự án; khắc phục triệt để tình trạng chuẩn bị dự án sơ sài, quyết định chủ trương đầu tư dàn trải, phê duyệt tổng mức đầu tư thiếu chính xác; chỉ quyết định chủ trương đầu tư khi đã thẩm định, làm rõ nguồn vốn và khả năng cân đối, bố trí vốn cho từng chương trình, dự án, bảo đảm dự án được phê duyệt có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện.

7.6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật về đầu tư công. Kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư, đảm bảo công khai, minh bạch trong việc huy động, quản lý, sử dụng vốn.

8. Giao UBND Thành phố:

8.1. Tiếp tục chỉ đạo rà soát danh mục các dự án nêu trên và hoàn thiện thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư trong 6 tháng đầu năm 2017 đối với các dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; báo cáo HĐND Thành phố xem xét thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của cấp Thành phố về danh mục và kế hoạch vốn các dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 theo đúng hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển của Thủ đô và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI.

8.2. Rà soát danh mục, mức vốn bố trí cụ thể cho từng công trình, dự án trước khi giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đảm bảo các công trình, dự án trong danh mục phải đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công; mức vốn bố trí cho từng công trình, dự án phải đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư, tuân thủ nghiêm túc nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên trong phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

8.3. Tổ chức thực hiện và chỉ đạo các sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm.

Điều 2. Thông qua danh mục các dự án trọng điểm của Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020 (*chi tiết tại Phụ lục số 9 kèm theo*).

Giao UBND Thành phố xây dựng kế hoạch tiến độ triển khai tổng thể và chi tiết của từng dự án; cụ thể hóa các giải pháp, biện pháp điều hành, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương, tập trung chỉ đạo để triển khai thực hiện đầu tư các dự án, công trình trọng điểm đảm bảo chất lượng, tiến độ, đồng bộ, hiệu quả.

Điều 3. Chấp thuận danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển giai đoạn 2016-2020 của thành phố Hà Nội, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội thực hiện đầu tư trực tiếp và cho vay theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 và Nghị định 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ theo đề xuất của UBND Thành phố tại Báo cáo số...../BC-UBND ngày..../11/2016.

Quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh cần điều chỉnh, Hội đồng nhân dân Thành phố ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, chấp thuận trên cơ sở đề nghị của UBND Thành phố và báo cáo lại Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố các sở, ban, ngành liên quan và chính quyền địa phương cấp huyện theo chức năng của mình triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội được thành lập theo quy định của pháp luật giám sát và động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày/12/2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực Thành ủy; Thường trực HĐND TP;
- UBND, UB MTTQ Thành phố;
- Các vị Đại biểu HĐND TP;
- Các Ban HĐND Thành phố ;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc